ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG PHÚ LỢI **TRƯỜNG MN TUỔI NGỌC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45 /KHGD-MNTN	*Phú Lợi, ngày 04 tháng 09 năm 2025*

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
NĂM HỌC: 2025 - 2026

- Căn cứ thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 của của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất ban hành chương trình Giáo dục mầm non;

- Căn cứ Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 27/08/2025 của Uỷ ban nhân dân phường Phú Lợi về việc ban hành khung thời gian năm học 2025 - 2026 đối với giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn phường Phú Lợi;

- Căn cứ vào tình hình thực tế của trường, trường Mầm non Tuổi Ngọc đề ra Kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

A.PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

1. Đội ngũ, số lượng CBQL-GV trình độ chuyên môn CBQL-GV:

Đối tượng	Tổng số	Nữ	Đảng viên	Trình độ			Tin học		Ngoại ngữ					Chính trị	
				ĐH	CĐ	TC	A	B	A	B	C	B1	VB2	TC	SC
CBQL	3	3	3	3			1	2		1	1		1	3	
GV	25	25	11	15	9	1	19	6	6	17		1	1	2	5
Cộng	**28**	**28**	**15**	**18**	**9**	**1**	**20**	**8**	**6**	**18**	**1**	**1**	**2**	**5**	**5**

2. Quy mô nhóm - lớp - trẻ:

- Tổng số nhóm lớp: 12 lớp; Tổng số trẻ: 385/192 nữ

+ Nhóm trẻ (24 - 36 tháng): 2 nhóm, số trẻ: 57 (bình quân 28 - 29 trẻ/lớp)

+ Khối Mầm (3 - 4 tuổi): 2 lớp; số trẻ: 58 (bình quân 29 trẻ/lớp)

+ Khối Chồi (4 - 5 tuổi): 4 lớp; số trẻ: 139 (bình quân 34 - 35 trẻ/lớp)

+ Khối Lá (5 - 6 tuổi): 4 lớp; số trẻ: 131 (bình quân 32 – 33 trẻ/lớp)

B. PHẦN II: MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

I. Mục tiêu chung:

1. Nhà trẻ:

1. Phát triển thể chất:	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).

	- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân
2. Phát triển nhận thức:	- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc
3. Phát triển ngôn ngữ:	- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp.
4. Phát triển tình cảm xã hội và thẩm mỹ:	- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thể hiện được một số qui định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình, thích nghe đọc thơ, kể chuyện…

2. <u>Mẫu giáo</u>:

1. Phát triển thể chất:	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: Nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

	- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.
2. Phát triển nhận thức:	- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói…) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
3. Phát triển ngôn ngữ:	- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ…). - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.
4. Phát triển thẩm mỹ:	- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

	- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
5. Phát triển tình cảm xã hội:	- Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

II. <u>Mục tiêu và nội dung giáo dục cụ thể</u>:

1. <u>Nhóm 24 - 36 tháng</u>:

Lĩnh vực	Số TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục năm học
Phát triển thể chất	1	Trẻ biết các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp theo nhịp.	* Thực hiện các động tác thể dục sáng: - Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
	2	Trẻ biết các vận động cơ bản: bò trong đường hẹp, bò theo đường ngoằn ngoèo. Bò thẳng hướng có mang	- Tập bò, trườn: - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò trong đường hẹp. - Bò theo đường ngoằn ngoèo.

		vật trên lưng Phối hợp tay chân, mắt nhịp nhàng	
	3	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, có 1 số nề nếp, thói quen tốt, giữ cơ thể sạch sẽ	- Có nề nếp khi lau mặt, rửa tay - Đi vệ sinh đúng nơi qui định - Thói quen lau mặt, rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, khi bị bẩn - Biết gọi cô khi có mũi, khi bị ướt, bẩn - Không ngậm tay vào miệng. - Thói quen tắm rửa hàng ngày. - Khi ho, ngáp biết lấy tay che miệng.
	4	Trẻ biết các vận động cơ bản bò trườn, đi: bò bằng hai bàn tay và hai bàn chân, trườn dưới gậy, đi trong đường hẹp. Phối hợp tay chân, mắt nhịp nhàng	- Bò bằng hai bàn tay và hai bàn chân, - Trườn dưới gậy - Đi trong đường hẹp.
	5	Phát triển các cơ nhỏ của đôi bàn tay thông qua các hoạt động làm quen với đất nặn, xếp hình, tô màu, xâu hạt	- Xâu các đồ vật, đồ chơi vào dây thành vòng. - Dùng bàn tay và các ngón tay để làm quen với đất, nhào, ngắt, gộp, lăn dài, vo tròn, ấn dẹp. - Xếp các hình cơ bản: xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách hàng rào, cái nhà, cái cổng, đường đi, bộ bàn ghế, cái giường. - Cách cầm viết vẽ lên giấy, trên sàn, ngoài sân, sử dụng các ngón tay để in màu, di màu, vẽ.
	6	Trẻ ăn hết suất và biết cách ăn một số thức ăn mới	- Nhận biết các món ăn hàng ngày, biết cách ăn bánh mì, các loại rau,

			thịt, các thực phẩm được chế biến từ các nguồn thực phẩm gần gũi.
	7	Trẻ biết đi theo hiệu lệnh vật chuẩn, đi trên cầu, đi theo đường ngoằn ngoèo dài 3m - 4m, rộng 25 – 30cm đi trong đường hẹp có cầm vật trên tay.	Thực hiện vận động: - Đi theo hiệu lệnh vật chuẩn - Đi trên cầu - Đi theo đường ngoằn ngoèo dài 3m - 4m, rộng 25 – 30cm - Đi trong đường hẹp có cầm vật trên tay.
	8	Biết sử dụng đồ dùng cá nhân của mình	- Lấy và sử dụng đúng đồ dùng cá nhân theo ký hiệu: ca uống nước, khăn lau mặt.
	9	Trẻ biết đi theo hiệu lệnh vật chuẩn: đi đều bước, đi đều bước có cầm vật trên tay, đi bước qua gậy kê cao 5cm	- Đi đều bước - Đi đều bước có cầm vật trên tay - Đi bước qua gậy kê cao 5cm
	10	Nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, trò chơi dân gian	- Luyện tập cho trẻ tính nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, trò chơi dân gian theo chủ đề.
	11	Thực hiện được một số việc tự phục vụ đơn giản	- Dọn chén, muỗng, ly sau khi ăn, uống - Lấy cất đồ chơi , đồ dùng đúng qui định trước và sau khi chơi. - Bỏ rác đúng nơi qui định
	12	Trẻ biết kết hợp tay chân nhịp nhàng, tư thế tự nhiên để nhún bật tại chỗ, nhảy xa bằng hai chân về phía trước.	- Nhún bật tại chỗ - Nhảy xa bằng hai chân về phía trước.

	13	Phát triển các cơ nhỏ của đôi bàn tay thông qua các hoạt động làm quen với đất nặn, xếp hình, tô màu, xâu hạt	- Xâu các đồ vật, đồ chơi, các loại hoa, quả, rau vào dây thành vòng. - Dùng bàn tay và các ngón tay để làm quen với đất, nhào, ngắt, gộp, lăn dài, vo tròn, ấn dẹp. - Xếp được các hình cơ bản: xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách hàng rào, cái nhà, cái cổng, đường đi, bộ bàn ghế, cái giường. - Cách cầm viết vẽ lên giấy, trên sàn, ngoài sân, sử dụng các ngón tay để in màu, di màu, vẽ.
	14	Trẻ biết kết hợp tay chân nhịp nhàng, tư thế tự nhiên để: chạy theo hướng thẳng, bật xa bằng 2 chân , chay đổi hướng theo cô 2-3 hướng	- Chạy theo hướng thẳng - Bật xa bằng 2 chân - Chạy đổi hướng theo cô 2-3 hướng
	15	Nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, trò chơi dân gian	- Luyện tập cho trẻ tính nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, trò chơi dân gian theo chủ đề.
	16	Trẻ biết kết hợp tay chân nhịp nhàng, tư thế tự nhiên để nhún bật về phía trước, bật qua các vòng	- Nhún bật về phía trước - Bật qua các vòng
	17	Nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, trò chơi dân gian theo chủ đề	- Luyện tập cho trẻ tính nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, trò chơi dân gian theo chủ đề.
	18	Biết tung, ném, bắt cùng cô. Phát triển sự phối hợp của mắt và tay	- Tung – bắt bóng cùng cô. - Tung bóng bằng hai tay - Tung bóng bằng hai tay qua dây

			(cao 80 – 100cm)
	19	Biết giữ gìn sức khỏe, không nghịch phá, không chơi những nơi nguy hiểm	- Nhận biết được những nơi nguy hiểm. - Không chơi ở những nơi nguy hiểm: bếp, lan can, cầu thang. - Không nghịch phá các con vật và không lại gần các con thú dữ, không chọc phá chúng. - Không trèo cây, leo trèo chạy nhanh. - Không chơi ở lòng đường xe chạy - Không chơi ở gần sông, ao hồ, khi đi thuyền, tàu phải ngồi ngay ngắn. - Không chơi ở gần đường sắt ,khi tham gia trên các phương tiện giao thông phải ngồi ngay ngắn.
	20	Biết tung, ném, bắt cùng cô. Phát triển sự phối hợp của mắt và tay	- Ném bóng về phía trước (ném xa bằng 1 tay). - Ném bóng vào đích (đích xa 70 - 100cm)
	21	Nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, trò chơi dân gian về giao thông, 1 số luật lệ giao thông đơn giản	- Luyện tập cho trẻ tính nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, trò chơi dân gian theo chủ đề về giao thông, 1 số luật lệ giao thông đơn giản
	22	Trẻ biết đứng co 1 chân và giữ thăng bằng cơ thể trong khoảng 2 – 3 giây, cách mặt đất 10 đến 12cm	- Đứng co 1 chân và giữ thăng bằng cơ thể trong khoảng 2 – 3 giây, cách mặt đất 10 đến 12cm
	23	Nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động,	- Khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, trò

		vận động theo nhạc, trò chơi dân gian theo chủ đề lớp mẫu giáo của bé	chơi dân gian theo chủ đề lớp mẫu giáo của bé
Phát triển nhận thức.	24	Trẻ biết về cô, các bạn trong lớp, các cô, các bác trong trường	- Tên cô, tên bạn và một số công việc của cô, các cô, các bác trong trường
	25	Trẻ biết về tên trường, tên lớp. Các hoạt động trong ngày ở lớp. Biết ý nghĩa và hoạt động ngày tết Trung thu	- Tên trường, tên lớp, một số hoạt động trong trường mầm non, hoạt động ngày tết Trung thu
	26	Trẻ biết về bản thân	- Tên gọi, giới tính,các bộ phận trên cơ thể. Biết giữ vệ sinh cá nhân
	27	Diễn đạt được hiểu biết bằng những câu nói đơn giản	- Biết diễn đạt sự hiểu biết của mình về sự vật, hiện tượng xung quanh.
	28	Trẻ biết tên gọi, cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi	- Tên gọi, cách sử dụng từng loại đồ dùng, đồ chơi của bé, đồ dùng trong gia đình
	29	Trẻ nhận biết, gọi đúng tên, màu sắc xanh, đỏ, vàng, kích thước to nhỏ của đồ dùng, đồ chơi	- Tên gọi, đặc điểm, màu sắc, kích thước, số lượng 1 và nhiều, phía trước – phía sau của đồ dùng của trẻ, đồ dùng sinh hoạt, đồ chơi của trẻ.
	30	Trẻ biết về những người thân yêu trong gia đình	- Tên gọi, công việc của người thân trong gia đình
	31	Trẻ nhận biết, gọi đúng tên, màu sắc xanh, đỏ, vàng, kích thước to nhỏ của đồ dùng, đồ chơi	- Tên gọi, đặc điểm, màu sắc, kích thước, số lượng 1 và nhiều, phía trước – phía sau của đồ dùng của trẻ, đồ dùng sinh hoạt, đồ chơi

	32	Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, các bộ phận của một số quả gần gũi với trẻ	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận của các loại quả: bưởi, hồng, nho . cam, dưa hấu, mận, đu đủ…
	33	Trẻ nhận biết và phân biệt đúng một số loại quả: đặc điểm, môi trường sống, lợi ích…	- Nhận biết , chỉ và gọi đúng tên, đặc điểm, môi trường sống, lợi ích của các loại quả Nhận biết được các loại quả không ăn được
	34	Trẻ nhận biết và phân biệt đúng, gọi đúng tên màu sắc , kích thước của các loại quả …	- Tên màu sắc , kích thước của các loại quả
	35	Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, các bộ phận của một số loại cây, rau củ gần gũi với trẻ	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, hình dạng, kích thước, dinh dưỡng của một số loại cây, rau, củ: rau cải, rau muống, cà chua, cà rốt, củ cải, quả đậu, rau dền, rau ngót…
	36	Trẻ nhận biết và phân biệt đúng một số loại cây, rau củ: đặc điểm, môi trường sống, lợi ích…	- Tên một số loại cây, rau củ: đặc điểm, môi trường sống, lợi ích…
	37	Trẻ nhận biết và phân biệt đúng, gọi đúng tên màu sắc , kích thước của các loại rau củ…	- Tên gọi, màu sắc , kích thước của các loại rau củ…
	38	Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, các bộ phận của một số hoa gần gũi với trẻ	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận của các loại hoa, hoa ngày tết: hoa hồng, hoa mai, hoa đào, hoa đào, hoa sen, lay ơn, đồng tiền…
	39	Trẻ nhận biết và phân biệt đúng một số loại hoa: đặc điểm, môi trường sống, lợi ích…	-Tên gọi, môi trường sống, lợi ích của các loại hoa

	40	Trẻ nhận biết và phân biệt đúng, gọi đúng tên màu sắc , kích thước của các loại hoa …	- Tên gọi, màu sắc, kích thước của các loại hoa
	41	Trẻ nhận biết, chỉ và nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật	- Tên gọi , đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật nuôi trong gia đình: gà, vịt, chó, mèo, bò, thỏ, lợn - Tên gọi , đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật sống dưới nước: cá, tôm, cua, ốc - Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật có cánh biết bay : chim, ong, bướm …
	42	Trẻ nhận biết và phân biệt được kích thước và màu sắc của các con vật	- Tên gọi, kích thước to – nhỏ, màu sắc xanh, đỏ, vàng của các con vật
	43	Trẻ nhận biết được các con thú dữ, không lại gần và không chọc phá chúng	- Nhận biết các con vật nguy hiểm để tránh xa, những con vật có ích, con vật có hại.
	44	Trẻ biết tên gọi của một số phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy, đường không và một số luật lệ giao thông đơn giản.	- Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo của các loại xe : xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con… - Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo của các loại phương tiện: thuyền, tàu thuỷ, ghe… - Tên gọi, đặc điểm, cấu của các loại phương tiện : máy bay, tàu hoả…

	45	Trẻ nhận biết, gọi đúng tên, màu sắc xanh, đỏ, vàng; kích thước của một số phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy, đường không	- Tên gọi, kích thước, màu sắc của các loại xe : xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con… - Tên gọi, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện: thuyền, tàu thuỷ, ghe… - Tên gọi, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện : máy bay, tàu hoả…
	46	Trẻ nhận biết, gọi đúng tên, màu sắc xanh, đỏ, vàng; kích thước của một số trang phục, đồ dùng đặc trưng của mùa hè và lớp mẫu giáo	- Nhận biết và phân biệt tên gọi, đặc điểm đặc trưng của mùa hè và biết một số hoạt động ở lớp mẫu giáo - Đặc điểm đặc trưng của mùa hè và một số hoạt động của lớp mẫu giáo - Mùa hè nóng nực ra đường bé biết đội nón, khi mưa biết mặc áo mưa. Biết thực hiện một số luật giao thông đơn giản
Phát triển ngôn ngữ.	47	Trẻ nói đúng tên mình, tên cô, tên các bạn trong lớp, tên các cô, các bác trong trường. Tên trường, lớp, đặc điểm công dụng của đồ dùng, đồ chơi.	- Tên mình, tên cô, tên các bạn trong lớp, tên các cô, các bác trong trường. - Tên trường, lớp, đặc điểm công dụng của đồ dùng, đồ chơi.
	48	Biết diễn đạt câu đơn 3 -4 từ theo chủ đề cô và các bạn	- Nói trọn câu 3 -4 từ. - Phát âm rõ lời. - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản về chủ đề cô và các bạn
	49	Trẻ nói đúng tên mình, các bộ phận trên cơ thể	- Nói đúng tên mình, các bộ phận trên cơ thể

	50	Trẻ biết đọc thơ, ca dao, hát các bài về chủ đề cơ thể của bé biết kể chuyện cùng cô.	- Các bài thơ, bài đồng dao, kể chuyện, hát các bài về chủ đề cơ thể của bé biết kể chuyện cùng cô
	51	Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, công dụng, cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi	Tên gọi, đặc điểm, công dụng, cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi
	52	Biết diễn đạt câu đơn 3 - 4 từ về chủ đề đồ dùng, đồ chơi	- Trả lời các câu hỏi của cô, nói trọn câu 3 – 4 từ - Phát âm đúng, rõ lời - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản, kết hợp với cử chỉ.
	53	Trẻ biết đọc thơ, ca dao, hát các bài về chủ đề đồ dùng, đồ chơi, biết kể chuyện cùng cô.	- Đọc các bài thơ, hát được bài hát và kể được chuyện theo tranh, biết minh hoạ động tác theo nội dung chuyện về chủ đề đồ dùng, đồ chơi
	54	Trẻ nói đúng tên những người thân trong gia đình	-Tên những người thân trong gia đình, nghề nghiệp của ba mẹ
	55	Trẻ biết đọc thơ, ca dao, hát các bài về chủ đề gia đình thân yêu của bé, biết kể chuyện cùng cô.	- Đọc các bài thơ, hát được bài hát và kể được chuyện theo tranh, biết minh hoạ động tác theo nội dung chuyện về chủ đề gia đình thân yêu của bé
	56	Trẻ biết diễn đạt câu ngắn 4 -5 từ về chủ đề các loại quả quen thuộc	- Trả lời các câu hỏi của cô, nói trọn câu 4- 5 từ về chủ đề các loại quả quen thuộc - Phát âm đúng, rõ lời - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản, kết hợp với cử chỉ.

	57	Trẻ đọc thuộc cả bài thơ, hát thuộc bài hát, biết kể chuyện theo cô, biết trả lời các câu hỏi của cô về chủ đề các loại quả quen thuộc	- Đọc được các bài thơ, hát được bài hát và kể được chuyện theo tranh, biết minh hoạ động tác theo nội dung chuyện về chủ đề các loại quả quen thuộc
	58	Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, lợi ích của một số quả mà trẻ biết	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận của các loại quả: bưởi, hồng, nho . cam, dưa hấu, mận, đu đủ…
	59	Trẻ biết diễn đạt câu ngắn 4 -5 từ về chủ đề các loại cây, rau củ	- Trả lời các câu hỏi của cô, nói trọn câu 4- 5 từ về chủ đề các loại cây, rau củ - Phát âm đúng, rõ lời - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản, kết hợp với cử chỉ.
	60	Trẻ đọc thuộc cả bài thơ, hát thuộc bài hát, biết kể chuyện theo cô, biết trả lời các câu hỏi của cô về chủ đề các loại cây, rau củ	- Đọc các bài thơ, hát được bài hát và kể được chuyện theo tranh, biết minh hoạ động tác theo nội dung chuyện về chủ đề các loại cây, rau củ
	61	Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, lợi ích của một số loại cây, rau củ mà trẻ biết	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, hình dạng, kích thước, dinh dưỡng của một số loại cây, rau, củ: rau cải, rau muống, cà chua, cà rốt, củ cải, quả đậu, rau dền, rau ngót…
	62	Trẻ biết diễn đạt câu ngắn 4 -5 từ về chủ đề bé yêu hoa	- Trả lời các câu hỏi của cô, nói trọn câu 4- 5 từ về chủ đề bé yêu hoa - Phát âm đúng, rõ lời

			- Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản, kết hợp với cử chỉ.
	63	Trẻ đọc thuộc cả bài thơ, hát thuộc bài hát, biết kể chuyện theo cô, biết trả lời các câu hỏi của cô về chủ đề bé yêu hoa	- Đọc các bài thơ, hát được bài hát và kể được chuyện theo tranh, biết minh hoạ động tác theo nội dung chuyện về chủ đề bé yêu hoa
	64	Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, lợi ích của một số loại hoa mà trẻ biết	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận của các loại hoa, hoa ngày tết: hoa hồng, hoa mai, hoa đào, hoa đào, hoa sen, lay ơn, đồng tiền…
	65	Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật.	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, lợi ích của các con vật nuôi trong gia đình, các con thú sống trong rừng, các con vật sống dưới nước và các con vật có cánh biết bay
	66	Trẻ biết diễn đạt câu ngắn 4 -5 từ về chủ đề các con vật gần gũi	- Trả lời các câu hỏi của cô, nói trọn câu 4- 5 từ về chủ đề các con vật gần gũi - Phát âm đúng, rõ lời - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản, kết hợp với cử chỉ.
	67	Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, cấu tạo của các phương tiện giao thông.	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện tàu hoả, máy bay… - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện thuyền, tàu thuỷ, ghe… - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại

			xe: xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con…
	68	Biết diễn đạt trọn câu đơn 5 - 6 từ, trả lời trọn câu, đủ nghĩa các câu hỏi của cô về tên gọi, đặc điểm, cấu tạo của các phương tiện giao thông.	- Trả lời các câu hỏi của cô, nói trọn câu 4- 5 từ về chủ đề phương tiện giao thông - Phát âm đúng, rõ lời - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản, kết hợp với cử chỉ.
	69	Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm của một số trang phục, đồ dùng đặc trưng của mùa hè và lớp mẫu giáo	- Tên gọi, đặc điểm đặc trưng của mùa hè và biết một số hoạt động ở lớp mẫu giáo - Đặc điểm đặc trưng của mùa hè và một số hoạt động của lớp mẫu giáo
	70	Biết diễn đạt trọn câu đơn 5 -6 từ, trả lời trọn câu, đủ nghĩa các câu hỏi của cô về tên gọi, đặc điểm của một số trang phục, đồ dùng đặc trưng của mùa hè và lớp mẫu giáo	- Trả lời các câu hỏi của cô, nói trọn câu 5 - 6 từ về chủ đề mùa hè và lớp mẫu giáo - Phát âm đúng, rõ lời - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản, kết hợp với cử chỉ.
	71	Trẻ đọc thuộc thơ, bài ca dao, thuộc các bài hát ngắn, nắm được nội dung chuyện và biết kể lại về chủ đề mùa hè và lớp mẫu giáo	- Đọc các bài thơ, hát được bài hát và kể được chuyện theo tranh, biết minh hoạ động tác theo nội dung chuyện về chủ đề mùa hè và lớp mẫu giáo
Phát triển tình cảm, kĩ năng	72	Cháu biết yêu thương kính trọng, vâng lời ba mẹ, người thân, các cô, các bác trong trường	- Cháu thể hiện lễ giáo qua các hoạt động hàng ngày. - Yêu thương, kính trọng, lễ phép với mọi người.

xã hội và thẩm mỹ.	73	Thích đi học, thích chơi với bạn, chơi biết nhường nhịn bạn	- Thích đi học không khóc nhè, không nghịch của bạn không đánh cắn bạn.
	74	Làm quen với bài hát và các động tác vận động theo nhạc, làm quen với đất nặn, cách cầm bút, phấn	- Hát các bài hát. Thực hiện các yêu cầu của cô: xâu hoa, xếp hình, nặn, tô màu, xé dán…
	75	Biết chào hỏi khi đến lớp, ra về, biết thực hiện một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện tốt các mặt lễ giáo: chào hỏi khi đến lớp và ra về.
	76	Biết tự tin trong giao tiếp khi cô hỏi	- Chủ động chào khách khi có khách đến lớp, mạnh dạn trả lời các câu hỏi
	77	Cháu vận động nhịp nhàng theo nhạc, biết vỗ tay và làm đúng các động tác minh họa cho bài thơ và hát theo chủ đề cơ thể của bé	- Hát và múa, làm động tác minh họa nhịp nhàng - Cháu vận động nhịp nhàng theo nhạc, biết vỗ tay và làm đúng các động tác minh họa cho bài thơ và hát theo chủ đề cơ thể của bé
	78	Đi học ngoan, chơi biết nhường nhịn bạn	- Ngoan, đi học khong khóc. Biết nhường đồ chơi cho bạn, không đánh bạn
	79	Biết giữ gìn đồ dùng, đồ chơi, biết cất dọn đồ chơi sau khi chơi xong	- Chơi xong cất đúng nơi qui định. Không đập phá đồ dùng đồ chơi.
	80	Cháu tô màu và xé dán khéo léo, biết tạo ra các sản phẩm từ đất nặn. Không nghịch của bạn, chơi xong cất đúng qui định	- Thực hiện được các yêu cầu của cô khéo léo : xâu vòng, xếp hình, nặn, tô màu, xé dán … - Giữ gìn sản phẩm, không tranh giành đồ chơi với bạn

	81	Cháu biết yêu thương kínhtrọng, vâng lời ba mẹ, người thân	- Biết thể hiện tình cảm của mình với người thân: lễ phép, vâng lời
	82	Biết chào hỏi khi đến lớp, ra về, biết thực hiện một số yêu cầu đơn giản của người lớn	- Chào hỏi khi đến lớp,ra về, biết thực hiện một số yêu cầu đơn giản của người lớn
	83	Không xả rác, biết bỏ rác đúng nơi qui định	- Rèn luyện thói quen, hành vi không xã rác, bỏ rác đúng nơi quy định.
	84	Cháu vận động nhịp nhàng theo nhạc, biết vỗ tay và làm đúng các động tác minh họa cho bài thơ và hát theo chủ đề các loại quả	- Vận động theo nhạc, vỗ tay và làm các động tác minh họa cho bài thơ và hát theo chủ đề các loại quả
	85	Biết tạo ra sản phẩm từ các loại quả, hoa và cây, rau, củ	- Các sản phẩm từ các loại quả: tô màu, dán, nặn….
	86	Cháu biết bảo vệ, chăm sóc cây, không bẻ cành, không hái quả non...	- Không ngắt hái hoa bẻ cành, không hái quả non...
	87	Cháu biết bảo vệ, chăm sóc hoa và cây, không ngắt hái hoa bẻ cành...	- Chăm sóc hoa và cây, không ngắt hái hoa bẻ cành, không hái quả non...
	88	Cháu không chọc phá vật nuôi, nhắc ba mẹ chăm sóc chúng, không lại gần và chọc phá thú dữ và chó mèo lạ	- Yêu quí vật nuôi, nhắc ba mẹ chăm sóc vật nuôi và không chọc phá chúng

	89	Cháu vận động nhịp nhàng theo nhạc, biết vỗ tayvà làm đúng các động tác minh họa cho bài thơ và hát theo chủ đề những con vật gần gũi	- Vận động theo nhạc, vỗ tay và làm các động tác minh họa cho bài thơ và hát theo chủ đề những con vật gần gũi
	90	Cháu tô màu và xé dán khéo léo, biết tạo ra các sản phẩm từ đất nặn về các con vật. Không nghịch của bạn, chơi xong cất đúng qui định	- Tô màu và xé dán, tạo ra các sản phẩm từ đất nặn về các con vật. Không nghịch của bạn, chơi xong cất đúng qui định
	91	Cháu vận động nhịp nhàng theo nhạc, biết vỗ tay và làm đúng các động tác minh họa cho bài thơ và hát theo chủ đề phương tiện giao thông	- Vận động theo nhạc, vỗ tay và làm các động tác minh họa cho bài thơ và hát theo chủ đề phương tiện giao thông
	92	- Cháu tô màu và xé dán khéo léo, biết tạo ra các sản phẩm từ đất nặn về chủ đề phương tiện giao thông. Không nghịch của bạn, chơi xong cất đúng qui định.	- Cháu tô màu và xé dán các loại xe khéo léo, biết tạo ra các sản phẩm từ đất nặn
	93	Cháu biết thực hiện một số luật lệ giao thông đơn giản, không chơi ở lòng đường, khi được ngồi trên các phương tiện giao thông, không đùa nghịch	- Không chơi ở lòng đường xe chạy, không đùa nghịch trên xe. Khi đi xe máy phải đội nón bảo hiểm. Trẻ biết thực hiện 1 số luật giao thông đơn giản
	94	Biết mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp.	- Chủ động chào khách khi có khách đến lớp, mạnh dạn trả lời các câu hỏi

	95	Biết mùa hè nóng nực ra đường bé biết đội nón, khi ra ngoài trời mưa biết mặc áo mưa, không đùa nghịch ngoài trời mưa, nắng. Làm quen với một số đồ dùng, nề nếp ở lớp mẫu giáo.	- Ra ngoài trời mưa biết mặc áo mưa, không đùa nghịch ngoài trời mưa, nắng. Làm quen với một số đồ dùng, nề nếp ở lớp mẫu giáo.

2. <u>Mẫu giáo</u>

2.1 <u>Khối Mầm (3 - 4 tuổi)</u>:

Lĩnh vực	STT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
Phát triển thể chất	1	- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	- Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn
	2	- Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Đi hết đoạn đường hẹp (3mx0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3m
	3	- Kiểm soát được vận động	- Đi chạy, thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc - Đi, chạy làm theo người dẫn đầu - Đi, chạy theo đoàn tàu - Chạy theo đường thẳng - Chạy theo trò chơi "Tín hiệu" - Đi trong đường ngoằn nghoèo - Đi ngang bước dồn

	4	- Phát triển một số vận động cơ bản mô phỏng các con vật, đồ vật.	- Bật tại chỗ theo trò chơi "nhảy cao như bóng nẩy" - Bò bằng bàn tay, bàn chân - Bò bằng bàn tay, cẳng chân - Bò theo hướng thẳng, dích dắc - Bò chui qua cổng
	5	- Phát triển vận động trườn	- Trườn về phía trước - Trườn theo hướng thẳng - Trườn theo hướng dích dắc
	6	- Luyện tập cho trẻ tính mạnh dạn, khéo léo	- Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm) - Trèo thang
	7	- Phối hợp tay - mắt trong vận động	- Tung bắt bóng với cô; bắt được ba lần liền không rơi bóng (khoảng cách 2,5m) - Tự đập bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18cm) - Tung và đập bóng tại chỗ - Tung bắt bóng bằng 2 tay - Lăn bóng theo trò chơi "Cho bạn cho tôi" - Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc - Chuyền bóng trái - phải
	8	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập	- Ném xa bằng 1 tay - Ném xa bằng 2 tay - Ném trúng đích bằng 1 tay - Ném trúng đích ngang (xa 1,5m)
	9	- Phát triển sự nhanh nhẹn, khéo léo và phối hợp giữa các chi, rèn luyện sức khoẻ dẻo dai cho trẻ	- Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật xa 20-25 cm (bật qua suối) - Bật liên tục qua 5 ô - Chạy nhanh 10 - 15m - Chạy chậm 60 - 80m - Nhảy lò cò

	10	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài - Đi trong đường hẹp nhảy qua mương - Ném - chạy theo trò chơi "Thi xem ai ném xa nhất theo trò chơi " Thi xem tổ nào nhanh " - Chạy chui qua cổng theo trò chơi "Thi xem ai ném xa nhất theo trò chơi "Thi xem tổ nào nhanh"
	11	- Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt	- Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay - Đan, tết - Xé, dán giấy - Sử dụng kéo, bút - Tô vẽ nguệch ngoạc - Vẽ được hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm - Xếp chồng 8-10 khối không đổ - Tự cài, cởi cúc - Lắp ráp các hình, xâu luồn các hạt
	12	- Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khoẻ	- Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau…) - Biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau…

			- Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, SDD, BP…)
	13	- Biết mặc trang phục phù hợp thời tiết.	- Trẻ biết mặc quần áo ấm khi trời lạnh, biết mặt quần áo mát khi trời nóng nực, trời mưa biết mặt áo mưa, đội nón, che dù khi trời nắng.
	14	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	- Biết và không uống nhiều nước ngọt, ăn nhiều đồ ngọt dễ sâu răng. - Biết và không uống các loại nước quá lạnh sẽ dễ bị ho.
	15	- Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	- Thực hiện được 1 số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: Rửa tay, lau mặt, súc miệng, tháo tất, cởi quần áo… - Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách
	16	- Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khoẻ	- Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu - Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước

			- Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Giữ gìn vệ sinh cá nhân - Biết đeo khẩu trang đúng cách
	17	- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	- Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở - Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi…) khi được nhắc nhở - Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... + Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn ghế, lan can - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp - Biết mối nguy hiểm khi chọc hoặc chơi gần chó mèo lạ, cẩn thận khi tiếp xúc với những con vật dữ
	18	- Biết một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình	- Biết tên ba mẹ, người thân gần gũi, biết số nhà, số điện thoại để nhờ người giúp đỡ khi bị lạc đường.
	19	- Có kỹ năng ăn uống các loại trái cây	- Trẻ biết bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, mãng

			cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt..., không dùng dao để cắt trái cây mà phải nhờ người lớn giúp.
	20	- Trẻ biết giữ an toàn khi tham gia giao thông	- Biết ngồi xe máy phải đội nón bảo hiểm, vịn tay, ngồi xe hơi không thò đầu ra ngoài...
	21	- Cháu biết cùng bạn tham gia vào công việc trực nhật hàng ngày	-Tham gia trực nhật hằng ngày theo phân công của lớp, luôn phiên
	22	- Cháu biết một số món ăn nấu từ thực phẩm có nguồn gốc động vật	- Cháu biết các loại côn trùng có lợi và côn trùng có hại và lợi ích cuả chúng đối với sức khoẻ. - Cháu biết một số thực phẩm bổ dưỡng từ các con vật sống dưới nước,động vật,… các loại hải sản, có ích cho sức khoẻ.
Phát triển nhận thức	23	- Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi	- Chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng
	24	- Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng	- Nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng
	25	- Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng	- Trẻ biết tham gia làm thử nghiệm và đưa ra nhận xét
	26	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người
	27	- Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.

			- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu
	28	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây, hoa, quả quen thuộc	- Cháu nhận ra đặc điểm đặc trưng của các loài cây, hoa, quả và lợi ích của chúng
	29	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật quen thuộc	- Cháu nhận ra đặc điểm đặc trưng của các con vật…và lợi ích của chúng
	30	- Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi	- Mối quan hệ về thời tiết - Mối quan hệ giữa thực vật, động vật và môi trường sống
	31	- Biết cách chăm sóc và bảo vệ các loại cây gần gũi	- Biết cách chăm sóc và bảo vệ các loại cây gần gũi
	32	- Biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi	- Biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi
	33	- Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	- Tên gọi, đặc điểm bên ngoài, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống-khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Tên gọi, đặc điểm, công dụng và cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi. - So sánh sự giống-khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi
	34	- Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình…	- Biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình…
	35	- Biết một số hiện tượng thiên nhiên	- Thời tiết, mùa: Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm

			- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi
	36	- Trẻ biết các giác quan trên cơ thể	- Biết chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể - Biết cơ thể có 5 giác quan: thính giác, thị giác, khứa giác, xúc giác, thị giác
	37	- Biết một số loại PTGT	- Bết tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc
	38	- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây	- Quá trình phát triển của cây - Quan sát mối liên hệ đơn giản giữa cây cối với môi trường sống - Cách chăm sóc, bảo vệ cây cối quen thuộc
	39	- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của con vật.	- Quá trình phát triển của con vật - Quan sát mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống - Cách chăm sóc, bảo vệ con vật quen thuộc
	40	- Nhận biết được sự cần thiết của nước	- Các nguồn nước trong môi trường sống - Trẻ biết có các loại nước, nước uống và nước sinh hoạt hàng ngày

			- Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước
	41	- Biết được một số đặc điểm nổi bật của mùa xuân, mùa hè.	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm nổi bật của mùa + Mùa xuân: Nhiều hoa nở, có ngày Tết cổ truyền. + Mùa hè: Nắng nóng, mưa nhiều, có hoa phượng nở, ve kêu.
	42	- Nhận biết số đếm, số lượng	- Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng - Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5 - So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn - Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5 - Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai hoặc nhiều nhóm nhỏ - Nhận biết 1 và nhiều - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm - Nhận biết sự giống và khác nhau giữa 2 nhóm đối tượng bằng kỹ năng xếp tương ứng

	43	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại	- Xếp tương ứng 1-1 - Ghép đôi - Xếp xen kẽ
	44	- Biết so sánh kích thước các đối tượng	- So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau - Đặt cạnh, đặt chồng các đối tượng và diễn đạt kết quả - So sánh các đối tượng trong thực tế
	45	- Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	- So sánh sự khác - giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật - Nhận biết đồ vật có chung hình dạng
	46	- Sử dụng các hình hình học để chắp ghép	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu
	47	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Xác định vị trí của đồ vật: phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới so với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn; phía phải - phía trái so với bản thân trẻ
	48	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Biết họ và tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân
	49	- Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình	- Biết họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. Một số nhu cầu của gia đình

	50	- Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	- Biết địa chỉ của gia đình mình (số nhà, xã phường đang ở)
	51	- Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Biết tên và địa chỉ của trường, lớp, biết tên cô, tên bạn, tên đồ chơi - đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện - Biết tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện - Biết các hoạt động của trẻ ở trường
	52	- Biết tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi trò chuyện	- Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
	53	- Biết một số đồ dùng cần thiết cho cơ thể bé	- Biết phân biệt đồ dùng: cá nhân và đồ dùng học tập cần thiết cho bé
	54	- Trẻ nhận biết một số phương tiện đi lại trong gia đình cũng như một số đồ dùng trong gia đình	- Biết một số phương tiện đi lại: xe máy, xe ô tô????
	55	- Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	- Kể tên và nói được công việc, công cụ, sản phẩm và lợi ích của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh - Biết ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương
	56	- Biết tên và một vài hoạt động của một số ngày lễ hội	- Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu… qua trò chuyện, tranh ảnh - Biết được đặc điểm đặc trưng của ngày tết trung thu: lồng

			đèn, bánh trung thu, chú cuội, chị Hằng,… - Biết được một vài đặc điểm của ngày giáng sinh: cây thông, ông già nô en phát quà, tuyết,….
	57	- Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương
	58	- Trẻ biết một số luật lệ cơ bản về giao thông: tín hiệu đèn,luật cho người đi bộ	- Biết tín hiệu: đèn đỏ dừng lại, xanh được đi, vàng chậm lại - Đi bộ bên tay phải. - Khi qua đường có người lớn dắt
	59	- Cháu biết Bác Hồ là vị lãnh tụ dân tộc.	- Khi còn sống Bác rất yêu thương các cháu nhỏ và các cháu nhỏ cũng rất kính yêu Bác, hiện nay Bác không còn nữa, lăng Bác đặt tại quãng trường Ba Đình - thủ đô Hà Nội - Cháu biết ngày 19/5 là ngày sinh nhật Bác Hồ.
Phát triển ngôn ngữ	60	- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc - Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản - Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ” - Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả… - Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại

	61	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
	62	- Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “cái gì?”, “ở đâu?”, “khi nào?”, “để làm gì?”, “đang làm gì?”…
	63	- Sử dụng được câu đơn, câu ghép	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép
	64	- Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân	- Kể lại sự việc có tình tiết đơn giản như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..
	65	- Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp độ tuổi
	66	- Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	- Kể lại truyện đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn
	67	- Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện	- Kể lại chuyện theo trí nhớ - Tập đóng kịch, đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên - Phát triển khả năng sáng tạo trong cách diễn đạt bằng ngôn ngữ mô phỏng các con vật, đóng kịch, kể chuyện
	68	- Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	- "Đọc" truyện qua các tranh vẽ
	69	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	- Sử dụng các từ như “Vâng ạ”, “Dạ”, “Thưa” trong giao tiếp - Biết tự giác nói xin lỗi khi có lỗi - Biết chào hỏi người lớn, to rõ, mạnh dạn trong giao tiếp với bạn bè và mọi người
	70	- Nói đủ nghe, không nói lý nhí	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó

			- Điều chỉnh giọng nói vừa đủ nghe
	71	- Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh	- Biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh
	72	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	- Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên các nhân vật trong tranh - Nghe hiểu nội dung các câu đơn - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi
	73	- Thích vẽ, 'viết' nguệch ngoặc	- Thích vẽ, 'viết' nguệch ngoặc
	74	- Biết kể chuyện theo tranh, đồ vật	- Biết dựa theo tranh để kể lại thành một câu chuyện theo ngôn ngữ của trẻ có sự giúp đỡ của người lớn. - Lựa chọn và kể về đồ vật đã chọn theo hiểu biết của trẻ.
	75	- Chọn sách để xem	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
	76	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện	- Lật từng trang không để nhăn sách, không bỏ sót trang - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - Giữ gìn sách
	77	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nguy hiểm...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)
Phát triển thẩm mỹ	78	- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	- Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm

			nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng - Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện - Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình
	79	- Hát tự nhiên, hát được theo bài hát quen thuộc	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	80	- Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc	- Vỗ tay theo phách, nhịp - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhạc, bài hát - Vận động minh họa theo bài hát trong chương trình
	81	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý	- Trẻ biết sử dụng đa dạng các nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm đơn giản
	82	- Sử dụng các kỹ năng tạo hình đơn giản để tạo ra sản phẩm	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản - Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản - Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối - Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản

			- Rèn cho trẻ kỹ năng tô màu, cách cầm bút tô đúng
	83	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình	- Trẻ biết quan sát nhìn xem các sản phẩm và nhận xét theo ý kiến của mình
	84	- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật	- Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc - Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình
	85	- Cắt theo đường vẽ sẵn	- Cắt theo đường thẳng vẽ sẵn - Cắt theo ý thích
Phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội	86	- Thể hiện ý thức về bản thân	- Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân - Nói được điều bé thích, không thích
	87	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động ở lớp và tự tin trả lời các câu hỏi
	88	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...)	- Hoàn thành công việc được giao
	89	- Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh
	90	- Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình
	91	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ	- Kính yêu Bác Hồ
	92	- Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ
	93	- Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ

		chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ	dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, giúp đỡ bạn, giúp đỡ ông bà, cha mẹ những việc vừa sức. - Phân biệt hành vi "đúng"-"sai", "tốt"-"xấu"
	94	- Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép
	95	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Lắng nghe cô và bạn nói
	96	- Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	- Phối hợp, thỏa thuận với bạn khi chơi, làm nhiệm vụ - Chơi hoà thuận với bạn
	97	- Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc các loại cây thân thuộc	- Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên - Nhận biết cây cối cần được chăm sóc để lớn lên - Thích được tham gia chăm sóc cây cối như : Nhặt lá vàng, tưới cây, lau lá…
	98	- Thích chăm sóc con vật thân thuộc	- Nhận biết con vật cần được chăm sóc để lớn lên - Biết cho con vật quen thuộc ăn (gà, vịt) - Thích được tham gia chăm sóc con vật
	99	- Có thói quen bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày	- Bỏ rác đúng nơi quy định - Giữ gìn vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học - Tiết kiệm điện, nước - Không ngắt hoa, bẻ cành - Chăm sóc cây xanh trong lớp, ngoài sân trường

	100	- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột	- Biết yêu mến người thân trong gia đình: bố, mẹ, anh, chị, em…
	101	- Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- Chờ đến lượt, hợp tác
	102	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích	- Biết hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi … khi được người khác an ủi và giải thích
	103	- Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch đẹp	- Thói quen tự phục vụ để giữ vệ sinh cá nhân - Giữ đầu tóc quần áo sạch sẽ gọn gàng - Chải đầu khi tóc rối
	104	- Biết làm một số việc tự phục vụ hàng ngày	- Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh - Rửa mặt khi dơ - Đánh răng sau khi ăn, trước khi đi ngủ
	105	- Biết chăm sóc và giúp đỡ bạn bè	- Biết giúp đỡ bạn khi cần giúp - Biết chăm sóc khi bạn bị bệnh
	106	- Trẻ có thái độ kính trọng, lễ phép với cô giáo và các bác trong trường mầm non	- Lễ phép với người lớn. Các thầy cô trong trường
	107	- Yêu thích, tôn trọng luật lệ giao thông và những người điều khiển các PTGT	- Chấp hành luật lệ giao thông - Nhắc ba mẹ thực hiện đúng luật giao thông
	108	- Biết giao tiếp có văn hóa khi đi trên các PTGT công cộng như: nhường chổ cho người già, không chen lấn xô đẩy khi lên xe	- Có thái độ lịch sự khi đi các phương tiện công cộng
	109	- Cháu biết tất cả các nghề trong xã hội đều cao quí. Trẻ biết yêu quý các nghề trong xã hội	- Trẻ biết yêu quý, có thái độ kính trọng tất cả các nghề

2.2 <u>Khối Chồi (4 - 5 tuổi)</u>:

LĨNH VỰC PT	STT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
Phát triển thể chất	1	- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.	- Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.
	2	- Thực hiện khéo léo các bài tập bật, nhảy	- Bật liên tục về phía trước. - Bật liên tục qua 5 vòng - Bật xa 40 cm - Bật tách chân- khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 – 15cm
	3	- Nhảy xuống từ độ cao 30 cm.	- Nhảy từ trên cao xuống 25 cm – 30cm. - Nhảy từ trên cao xuống 30 cm – 36cm.
	4	- Biết sử dụng các cơ nhỏ của bàn tay để tô màu, vẽ, nặn, dán	-Tạo ra được sản phẩm sử dụng bằng bàn tay
	5	- Phối hợp tay – mắt trong vận động	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Tung và bắt bóng với người đối diện bằng 2 tay (khoảng cách xa 3m)
	6	Chuyền và bắt bóng bằng hai tay	- Chuyền bắt bóng qua đầu, qua chân. - Chuyền bắt bóng qua trái, qua phải.
	7	- Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 2m.	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Thực hiện ném trúng đích nằm ngang theo yêu cầu - Thực hiện ném trúng đích đứng xa 1,2m theo yêu cầu
	8	- Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,2 m so với mặt đất.	- Trườn qua ghế dài 1,5m x 25cm - Trườn về phía trước - Trèo lên xuống 5 gióng thang

	9	- Thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo khi thực hiện bài tập tổng hợp	- Đi dích dắc kết hợp bò chui qua cổng - Bò cao bước qua chướng ngại vật
	10	- Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt.	- Các loại cử động của bàn tay, ngón tay, cổ tay (cuộn – xoay tròn cổ tay; gập mở các ngón tay) - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Vẽ hình người, nhà, cây. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc áo, quần, buộc dây giày.
	11	- Nhảy lò cò được ít nhất 4-5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	- Nhảy lò cò bằng 1 chân - Nhảy lò cò, đổi chân. - Nhảy lò cò, đổi chân theo yêu cầu
	12	- Đập và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 2-3-lần liên tiếp.	- Đập và bắt bóng tại chỗ
	13	- Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động	- Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m - Đi thăng bằng trên ghế thể dục - Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh - Đi trên dây (dài 2-3m)
	14	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 12m- 15m trong khoảng thời gian 10 giây.	- Chạy 12m trong khoảng 5-7 giây. - Chạy 15m trong khoảng 10 giây - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy chậm 100m
	15	- Kiểm soát được vận động	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi thay đổi hướng theo hiệu lệnh - Đi theo hướng dích dắc - Chạy theo đường zích zắc.
	16	- Bò bằng bàn tay và bàn chân theo yêu cầu của cô.	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3m – 4m - Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6m - Bò chui qua cổng cao 50-60cm

	17	- Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 20 phút.	- Rèn luyện thói quen làm việc đến nơi đến chốn. - Rèn luyện nề nếp học tập - Rèn tính tập trung chú ý. - Tổ chức các hoạt động có chủ đích
	18	- Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự đánh răng, lau mặt. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gang không làm rơi vãi, đổ thức ăn. - Tự cất nệm, gối sau khi ngủ dậy
	19	- Biết đeo khẩu trang đúng cách khi đi ra ngoài, khi tham ga các hoạt động nơi công cộng	- Thói quen đeo khẩu trang khi ra ngoài -Thực hành thao tác đeo khẩu trang hàng ngày
	20	- Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt… - Giữ gìn vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.
	21	- Biết được một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	- Nói được các món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản - Kể tên những món ăn mà trẻ biết, trẻ thích. - Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.
	22	Biết một số thực phẩm cùng nhóm	-Thịt, cá…có nhiều chất đạm - Rau, quả chín có nhiều vitamin

	23	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Sâu răng, béo phì …) - Biết và không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ bị sâu răng, béo phì - Biết và không ăn những món ăn ôi thiu.
	24	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	- Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm như : Cây nhọn, đinh, kim, dao, kéo... - Biết bảo vệ sức khoẻ không chơi những vật dụng gây nguy hiểm đến tính mạng.
	25	- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như: Chơi cây nhọn, lấy cây que đâm vào mắt mũi của mình và bạn, nhét hột hạt vào mũi... - Biết được hành động đúng, hành động sai - Biết bảo vệ các giác quan trên cơ thể
	26	-Biết, không chơi ở những nơi nguy hiểm.	- Nhận biết những nơi không an toàn như: Chơi gần ổ cắm điện, bình nước đun sôi, giếng nước, chơi ngoài lòng đường... - Nhận ra những nơi nguy hiểm như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước…là nơi nguy hiểm không được chơi gần.
	27	- Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc ăn các loại quả có hạt… - Không ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ…không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo
	28	- Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Kẹt tay, chân vào đồ vật nào đó, ngã, động vật cắn, ngã làm chảy máu...

			- Biết gọi người lớn giúp đỡ khi bị lạc. Nói tên được địa chỉ gia đình, số điện thọai người thân khi cần thiết.
	29	- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc.	- Biết tên ba mẹ, người thân gần gũi, biết số điện thoại của ba mẹ để nhờ người giúp đỡ khi bị lạc đường.
	30	- Biết mặc trang phục phù hợp thời tiết.	- Cháu biết mặc quần áo ấm khi trời lạnh, biết mặt quần áo mát khi trời nóng nực, trời mưa biết mặt áo mưa, đội nón, che dù khi trời nắng.
	31	- Có một số hành vi tốt trong ăn uống	- Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã. - Trẻ biết bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, mãng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt…, biết lột vỏ khi ăn chôm chôm, nhãn…, không dùng dao để cắt trái cây mà phải nhờ người lớn giúp.
	32	- Biết giữ gìn vệ sinh thực phẩm, giữ gìn sức khỏe trong ngày tết và khi chuyển mùa.	-Trẻ có kỹ năng phân biệt các loại thực phẩm an toàn cho bản thân trong dịp tết. Ăn uống có chừng mực, ăn nhiều loại thực phẩm, nghỉ ngơi hợp lý, không thức khuya.
	33	-Biết mối nguy hiểm khi chọc phá hoặc chơi gần chó mèo lạ, cẩn thận khi tiếp xúc với những con vật dữ.	- Biết cách tránh các hành động gây nguy hiểm như chọc phá các con vật nuôi để giữ an toàn cho bản thân mình. - Tránh xa những con vật dữ

	34	- Trẻ biết an toàn khi tham gia giao thông.	- Biết ngồi xe máy phải đội nón bảo hiểm, vịn tay, không đùa giỡn, ngồi xe hơi không thò đầu, thò tay ra ngoài…
Phát triển nhận thức	35	- Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng	- Nói họ tên, ngày sinh, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - Nói họ tên bố, mẹ, anh, chị, số điện thoại của bố, mẹ, của gia đình - Nghề nghiệp của bố, mẹ, nhu cầu của gia đình, qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). - Nói tên và địa chỉ trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. - Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. - Nói tên và một số đặc điểm, sở thích của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
	36	- Biết gọi tên nhóm cây cối, đồ vật theo đặc điểm chung.	*a/Cây cối* - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây cối, hoa, quả. - So sánh sự giống và khác nhau của một số cây, hoa, quả. - Phân nhóm hoa, quả theo dấu hiệu cho trước *b/ Đồ dùng đồ chơi* - Tên gọi, đặc điểm, chất liệu và công dụng của đồ dùng đồ chơi. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo công dụng, chất liệu
	37	- Biết gọi tên nhóm con vật theo đặc điểm chung. Nhận ra sự thay đổi trong quá	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật. - So sánh sự giống và khác nhau của một số con vật. - Phân nhóm con vật theo dấu hiệu cho trước

		trình phát triển con vật.	- Quá trình phát triển của con vật, điều kiện sống của một số con vật. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống. - Cách chăm sóc bảo vệ con vật.
	38	- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây	-Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối, với môi trường sống. - Cách chăm sóc bảo vệ cây cối.
	39	- Biết được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm	- Biết tên gọi một số mùa trong năm: Mùa xuân, mùa hè, mùa đông. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. + Mùa xuân: Nhiều hoa nở, có nhiều quả ngon, không khí mát mẽ, có ngày Tết cổ truyền. + Mùa hè: Nắng nóng, mưa nhiều, có nhiều hoa phượng nở, ve kêu. + Mùa đông: Trời lạnh, trong mùa đông có lễ Noel.
	40	- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của một số hiện tượng tự nhiên.	- Biết được quá trình hình thành mưa.. - Các nguồn nước khác nhau - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Ích lợi của nước với đời sống con người, các con vật, cây cối. - Các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, các con vật và cây cối. - Biết một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, nước
	41	- Biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng đồ chơi. - Phân loại 2-3 đồ dùng đồ chơi

			- Biết tên, đặc điểm của các phòng; so sánh phân loại các kiểu nhà.
	42	- Biết phân loại một số phương tiện giao thông (đặc điểm, công dụng …)	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. - Phân nhóm phương tiện giao thông theo nơi hoạt động
	43	- Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	-Kể tên, công việc, công cụ và sản phẩm / ích lợi của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.
	44	-Biết được nguyên nhân gây ra cháy và cách đề phòng	- Biết một vài đặc điểm, tính chất của nguồn lửa. - Nguyên nhân gây cháy và cách phòng tránh - Ích lợi của nguồn lửa với đời sống con người.
	45	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Đặc điểm, mùi, vị của quả, hoa - Lợi ích của dinh dưỡng với sức khỏe - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Phân biệt 5 giác quan trên cơ thể con người
	46	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.
	47	- Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. - Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu một sự vật hiện tượng nào đó.

			- Quan sát các sự vật, hiện tượng xung quanh.
	48	- Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu.
	49	- Nhận biết số đếm, số lượng	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hỏi: "bao nhiêu?" , "là số mấy?"... - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 - So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
	50	- So sánh hai đối tượng	-Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.
	51	- Sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5 - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
	52	- Nhận ra quy tắc sắp xếp của 2-3 đối tượng và sao chép lại.	- Sắp xếp theo qui tắc 1-1, 1-1-1, 2-1.
	53	- Sử dụng dụng cụ để đo độ dài, của hai đối	- Đo độ dài 1-2 vật bằng một đơn vị đo.

		tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài 1-2 vật bằng 1 đơn vị đo theo yêu cầu của cô
	54	- Biết so sánh kích thước các đối tượng.	- So sánh kích thước 2-3 đối tượng. - Đặt cạnh, đặt chồng, sắp xếp thứ tự các đối tượng và diễn đạt kết quả. - Thực hiện được thao tác gộp và tách
	55	- Nhận biết hình dạng	- Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác; vuông và chữ nhật…) - Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. - Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. - Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
	56	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau, phía trái- phía phải) - Dạy trẻ phân biệt tay phải tay trái của bản thân trẻ - Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế.
	57	- Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm - ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.

	58	- Biết tên và hoạt động của một số ngày lễ hội.	- Ngày lễ hội trong năm: Ngày hội đến trường, Tết trung thu, sinh nhật bé, Tết cổ truyền. - Hiểu ý nghĩa của ngày Tết trung thu. Một số biểu tượng về ngày tết trung thu - Hiểu ý nghĩa của ngày giáng sinh. Một số biểu tượng về ngày giáng sinh - Hiểu ý nghĩa của ngày Tết cổ truyền. Một số biểu tượng về ngày tết cổ truyền - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh.
	59	- Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh	-Kể tên và nêu đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương
	60	-Biết được tầm quan trọng của việc ăn uống đầy đủ các nhóm chất dinh dưỡng.	-Hiểu được tầm quan trọng của việc ăn uống đầy đủ các nhóm chất dinh dưỡng để cơ thể khỏe mạnh. - Giới thiệu các loại thực phẩm khác nhau và lợi ích của chúng. - Phát triển trí tưởng tượng qua các câu chuyện liên quan đến thức ăn.
Phát triển ngôn ngữ	61	- Nghe hiểu lời nói	- Thực hiện hai, ba yêu cầu liên tiếp.
	62	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất trong sinh hoạt hàng ngày.	- Sử dụng các từ chỉ hành động, tính chất. - Các từ chỉ tên gọi của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, các từ chỉ đặc điểm của cây rau, hoa quả, con vật, đồ vật, các phương tiện và qui định giao thông…
	63	- Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.

			- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.
	64	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Biết trò chuyện, trao đổi cùng bạn về gia đình của mình nói thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu.
	65	- Sử dụng lời nói để trao đổi cùng bạn bè trong hoạt động.	- Biết dùng lời nói để giao tiếp, trò chuyện cùng các bạn. - Biết bày tỏ, chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân bằng lời nói để các bạn trong nhóm chơi hiểu và cùng tham gia vào hoạt động. - Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.
	66	- Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai ?”, “cái gì ?”, “ở đâu?”, “khi nào ?”, “để làm gì?”, “đang làm gì?”,…
	67	- Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
	68	- Kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. - Cháu đọc thuộc bài thơ; đồng dao, ca dao….
	69	- Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.

		dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.	- Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi.
	70	- Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
	71	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	- Đóng kịch.
	72	- Kể về một sự việc nào đó để người khác hiểu được	- Biết dùng lời nói để diễn tả, mô tả lại một sự việc nào đó mà trẻ biết. - Biết kể theo trình tự để người khác hiểu. - Biết nói lên sở thích cá nhân của mình; cháu biết kể, sử dụng các từ ngữ để kể chuyện, giới thiệu về bản thân, về sở thích của cháu... - Biết nói rõ và người nghe có thể hiểu được; biết chú ý lắng nghe
	73	- Kể chuyện có mở đầu, kết thúc	- Kể lại chuyện đã được nghe có mở đầu, kết thúc.
	74	- Biết kể chuyện theo tranh	- Biết dựa theo tranh để kể lại thành một câu chuyện có mở đầu, kết thúc.
	75	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp khi được nhắc nhỡ.	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. -Sử dụng các từ như: “Mời cô”, “Mời bạn”. “Cảm ơn”, “Xin lỗi”…trong giao tiếp.
	76	- Sử dụng một số từ chào hỏi phù hợp với tình huống	- Biết chào hỏi, tạm biệt, các câu chúc sức khỏe ông bà… biết nói cám ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh, tình huống trong giao tiếp.
	77	- Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh	- Nhận dạng một số chữ cái đơn giản mà trẻ biết.

			- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
	78	- Thể hiện sự thích thú với sách, biết phối hợp cùng cô và bạn tạo ra sách truyện tranh đơn giản.	- Thích chơi với sách, xem và đọc sách ở mọi lúc mọi nơi một mình. - Chú ý nghe đọc sách, tìm hiểu nội dung tranh vẽ trong sách . - Sưu tầm, cắt dán tranh ảnh làm sách về chủ đề.
	79	- "Đọc" theo truyện tranh đã biết	- Xem và "đọc" các loại sách khác nhau. - "Đọc" truyện qua tranh vẽ.
	80	- Có một số hành vi như người đọc sách.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc sách từ trên xuống dưới, từ trái sang phải. - Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("đọc vẹt").
	81	- Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nguy hiểm...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)
	82	- Sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt. + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; "đọc" ngắt nghỉ sau các dấu.
Phát triển thẩm mỹ	83	- Hát tự nhiên, thể hiện tình cảm bài hát quen thuộc.	- Hát, bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần (nhạc thiếu nhi, dân ca) - Hát đúng giai điệu bài hát, lời ca, rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ…

	84	- Hát các bài hát về chủ đề, hưởng ứng cùng cô cùng bạn qua giai điệu quen thuộc.	- Hát các bài hát về an toàn giao thông, về các quy tắc khi ở nhà và ở trường. - Nghe các bài hát có giai điệu vui tươi, nhẹ nhàng về chủ đề an toàn giao thông, giúp trẻ thư giãn và ghi nhớ thông tin.
	85	Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	- Hát và vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu chậm. -Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.
	86	- Cắt theo đường thẳng và cong của các hình đơn giản.	- Cắt theo đường thẳng, đường cong. -Cắt rời các hình trên tạp chí, họa báo, trên hình vẽ sẵn theo yêu cầu, theo ý thích của trẻ.
	87	- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước.	- Dán hình theo ý thích, - Dán hình vào vị trí qui định. - Dán hình trang trí bức tranh
	88	- Sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Sử dụng nguyên vật liệu tái sử dụng, nguyên vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm theo khả năng.
	89	- Cảm nhận được cái đẹp trong sản phẩm tạo hình.	- Chỉ ra cái đẹp trong sản phẩm tạo hình của mình, của bạn.
	90	- Rèn cho trẻ các kỹ năng tạo hình.	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.

			- Lăn dọc, xoay tròn, ấn bẹp để tạo thành các sản phẩm có 1 khối, nhiều khối. -Rèn cho trẻ kỉ năng tô màu, cách cầm bút tô đúng
	91	- Rèn kỹ năng xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm.	Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.
	92	Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động nghệ thuật	-Tạo ra sản phẩm theo ý thích - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình
	93	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Vẻ đẹp trong vận động, trong tạo hình, âm nhạc.... -Trẻ ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, đồ dùng đồ chơi. - Mong muốn tạo ra cái đẹp. - Thích thú và nói lên cảm xúc của mình khi nhìn các tác phẩm tạo hình. Biết nhận thức về cái đẹp qua trang phục của cá nhân của mọi người xung quanh.
Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội	94	- Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch đẹp.	- Thói quen tự phục vụ để giữ vệ sinh cá nhân. - Giữ đầu tóc quần áo sạch sẽ gọn gàng. - Tự chải đầu khi tóc rối.
	95	- Che miệng khi ho, ngáp, hắt hơi	- Thói quen tốt trong giao tiếp với mọi người, trong ăn uống hoặc những nơi công cộng. - Một số thói quen hành vi văn minh

	96	- Biết làm một số công việc tự phục vụ hằng ngày.	- Thực hiện một số công việc tự phục vụ hàng ngày: Cất đồ chơi sau khi chơi, đánh răng, rửa mặt, rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn...
	97	- Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân.	- Sở thích, khả năng của bản thân.
	98	- Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình.	- Điểm giống và khác nhau giữa bé và các bạn (về giới tính, vóc dáng, màu da…) - Sở thích, khả năng của bản thân
	99	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao.	- Hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).
	100	- Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	- Phối hợp cùng các bạn để thực hiện nhiệm vụ được giao. - Cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi).
	101	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận của người khác.	- Nhận biết và nói được một số trạng thái cảm xúc của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, phim hình…
	102	- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng.	- Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. - Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. - Tình cảm yêu thương và kính yêu Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm với các con vật - Thể hiện tình cảm với thiên nhiên. - Biết bộc lộ một số cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt
	103	- Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.	- Chơi với bạn vui vẻ, biết giúp đỡ bạn khi chơi.

	104	- Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, cha mẹ.	-Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, giúp đỡ bạn. -Phân biệt hành vi "đúng"-"sai "tốt"-"xấu"
	105	- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn	- Rèn luyện thói quen, hành vi, cử chỉ lễ phép, lịch sự. - Thói quen xưng hô thân mật với bạn, lễ phép với người lớn.
	106	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Lắng nghe cô và bạn nói
	107	- Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhỡ.	- Chờ đến lượt, hợp tác.
	108	Thể hiện sự tự tin, tự lực	- Phối hợp, thỏa thuận với bạn khi chơi, làm nhiệm vụ. - Tự chọn đồ chơi theo ý thích. - Cố gắng hoàn thành công việc được giao (dọn đồ chơi, trực nhật...)
	109	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Biết hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi … khi được người khác an ủi, chia sẻ và giải thích.
	110	- Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc.	- Nhận biết cây cối, con vật cần được chăm sóc và bảo vệ để lớn lên và phát triển. - Biết thể hiện tình cảm với các con vật, cho con vật quen thuộc ăn.

			- Thích được tham gia chăm sóc cây cối như : Nhặt lá vàng, nhổ cỏ, tưới cây, …
	111	- Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng- sai", "tốt -xấu". - Nhận ra một số hành vi đúng sai của con người đối với môi trường như: Vứt rác bừa bãi, bẻ cây… - Tiết kiệm điện nước trong gia đình và lớp học
	112	-Có thói quen tốt khi tham gia giao thông	- Thói quen quan sát đèn tín hiệu và qua đường an toàn khi tham gia giao thông - Luôn đi cùng người lớn khi tham gia giao thông
	113	- Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	- Thói quen bỏ rác vào thùng, Cất dọn đồ dùng đồ chơi ngăn nắp - Tiết kiệm điện, nước. - Chăm sóc cây xanh trong và ngoài lớp học.
	114	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ
	115	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Các hình ảnh của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi, lăng Bác
	116	- Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Biết yêu quý quê hương đất nước của mình

2.3 <u>Khối Lá (5 - 6 tuổi)</u>:

LĨNH VỰC PT	STT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
Phát triển thể chất	1	- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	- Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc bài hát. Bắt đầu và kết thúc đúng nhịp
	2	- Bật xa tối thiểu 50cm.	- Bật qua vật cản 15 – 20cm - Bật liên tục vào vòng - Bật xa 50cm - Bật tách khép chân qua 7 ô - Bật xa theo trò chơi nhảy tiếp sức
	3	- Nhảy xuống từ độ cao 40cm.	- Nhảy lò cò 5m - Nhảy xuống từ độ cao 35cm - Bật nhảy từ trên cao xuống 40-45cm
	4	- Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m .	- Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Bắt và ném bóng với người đối diện bằng 2 tay (khoảng cách xa 4m)
	5	- Chuyền bắt bóng qua đầu, qua chân	- Biết thực hiện chuyền bóng qua đầu, qua chân
	6	- Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m) (phối hợp giữa mắt tay và chân).	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Ném trúng đích đứng 1 tay, 2 tay
	7	- Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.	- Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m - Trèo lên xuống 7 gióng thang.
	8	- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 0,6m	- Biết trườn theo đường dài 3-5m - Biết trườn trên băng ghế dài 1,5 x 0,6m
	9	- Bò vòng qua 5-6 điểm dích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m – 5m - Bò dích dắc qua 7 điểm - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.

	10	- Đi, đập và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 4-5 lần liên tiếp.	- Đi và đập bắt bóng - Đi, đập và bắt được bóng nảy bằng 2 tay 4-5 lần liên tiếp
	11	- Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) không làm rơi vật đội trên đầu. Đứng 1 chân và giữ thẳng người trong vòng 10 giây, đi lên xuống trên ván dốc (dài 2m rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m.	- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối - Đi nối bàn chân tiến lùi - Đi trên dây, đi lên xuống trên ván dốc theo mục tiêu - Đi thăng bằng trên ghế thể dục, đầu đội túi cát
	12	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng thời gian (5 -7), 10 giây.	- Chạy tự do, chạy thay đổi tốc độ - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng 10 giây - Chạy tốc độ vừa sức
	13	- Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.	- Đi,Chạy thay đổi tốc độ, hướng zich zac theo hiệu lệnh - Chạy chậm khoảng 100 – 120m
	14	Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	- Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... - Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... - Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.
	15	Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	- Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.

			- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giật nước cho sạch. - Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.
	16	Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống	- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
	17	Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh	- Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp. - Đeo khẩu tang khi đến nơi đông người
	18	Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	- Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. - Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.
	19	Nhận biết được nguy cơ không an toàn trong ăn uống và phòng tránh	- Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc. Biết không tự ý uống thuốc. Biết không ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.

	20	Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ	- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
	21	- Biết thực hiện các kỹ năng phòng cháy, thoát hiểm khỏi đám cháy	- Cháu biết cách đi khom sát tường - Biết la lên khi có đám cháy - Biết gọi 114 khi có đám cháy - Biết một số nguồn cháy gây hại và nguồn cháy có ích.
	22	- Biết tránh một số trường hợp không an toàn	+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo
	23	Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
	24	- Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.	- Rèn luyện thói quen làm việc đến nơi đến chốn - Rèn luyện nề nếp học tập - Rèn tính tập trung chú ý - Tổ chức hoạt động có chủ đích
	25	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động	- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya
	26	Thực hiện được các cử động của bàn tay ngón tay.	- Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.

Phát triển nhận thức	27	Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng	- Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?... - Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. - Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.
	28	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản, dễ quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận	-Biết sử dụng một số dụng cụ để thực hành thử nghiệm, đưa ra phán đoán, thực hành và tự rút ra kết luận cho thử nghiệm
	29	- Biết giải quyết một số vấn đề đơn giản, đưa ra kết luận.	- Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.
	30	- Biết phân loại 1 số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi - So sánh sự giống và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu
	31	Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.
	32	Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	- Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. - Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình
	33	Nhận biết số đếm, số lượng	- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...

			- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. - Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
	34	- So sánh số lượng trong phạm vi 10	- So sánh và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. - Thêm, bớt và phân loại trong phạm vi 10
	35	- Biết tách gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10	- Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. - Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.
	36	Sắp xếp theo quy tắc	- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu - Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp
	37	So sánh độ dài hai đối tượng	-Sử dụng được một số dụng cụ để đo so sánh, nói kết quả.
	38	Biết cách đo dung tích, thể tích của các chất lỏng	- Biết sử dụng các dụng cụ để đong, đo dung tích. So sánh và nêu được dung tích của các đối tượng
	39	Nhận biết hình dạng	- Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.
	40	- Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian	- Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.
	41	- Biết phân biệt ngày và đêm, đếm , gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm. - Phân biệt được ngày và đêm

	42	Nhận biết danh lam, thắng cảnh, địa điểm công cộng nơi trẻ sống	- Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. - Tên gọi và đặc điểm nổi bật của 1 số địa điểm công cộng tại địa phương
	43	- Biết xem và nói được giờ trên đồng hồ	- Xem đồng hồ, nói được giờ trên đồng hồ
	44	- Kể chuyện sáng tạo	- Biết sử dụng vốn từ của bản thân để kể thành một nôi dung câu chuyện
	45	- Nhận biết đặc điểm của bản thân	- Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.
	46	Nhận biết về một vài đặc điểm của gia đình	- Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)… khi được hỏi, trò chuyện. - Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.
	47	Nhận biết một vài đặc điểm nổi bật trong trường mầm non	- Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. - Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện
	48	Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương	- Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”
	49	Nhận biết một số lễ hội nơi trẻ sống và lễ hội trong năm.	- Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.
	50	Biết một số môn thể thao.	-Kể tên được một số môn thể thao thường gặp - Biết việc tập thể dục thể thao sẽ mang lại lợi ích cho cơ thể

	51	- Biết gọi tên các ngày trong tuần, các buổi trong ngày theo thứ tự.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai, buổi sáng,buổi trưa, buổi chiều buổi tối.
	52	- Nói được ngày trên lốc lịch	- Xem lịch biết đọc số biểu thị thứ tự các ngày trên lốc lịch
	53	- Biết kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác	- Biết thay tên nhân vật, tên câu chuyện phù hợp với nội dung. - Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác
	54	- Biết một số luật giao thông đơn giản	- Thực hiện đúng luật giao thông khi đi trên đường
	55	- Biết dự đoán 1 số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.	- Nhận biết 1 số hiện tượng sắp có mưa như: mây đen, gió to, trời sầm tối, sấm chớp… Trời nắng: bầu trời trong xanh, mây trắng, có ông mặt trời… - Dự đoán 1 số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.
	56	- Biết được 1 số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống.	- Biết tên gọi đặc điểm các mùa trong năm: mùa xuân, mùa hè, mùa thu và mùa đông - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa
	57	- Biết đặc điểm và gọi tên nhóm cây cối, con vật, theo đặc điểm chung.	- Đặc điểm, cấu tạo, điều kiện sống, chức năng của các bộ phận, ích lợi và tác hại của con vật, giá trị dinh dưỡng của cây, hoa, củ, quả…. - Mối quan hệ của cây cối, hoa quả, con vật… đối với con người và môi trường sống. Biết cách chăm sóc bảo vệ và đề phòng… - So sánh sự giống và khác nhau của một số con vật, cây, hoa, rau, củ, quả… - Mối quan hệ giữa cấu tạo với môi trường sống, hình thức vận động và cách kiếm mồi, cách thích nghi của con vật, cây, hoa, rau, củ, quả…

			- Phân loại cây, hoa, rau, củ, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu
	58	Biết thông tin về Hà Nội và Bác Hồ	-Trẻ biết Thủ Đô Hà Nội là trung tâm của nước Việt Nam, có nhiều cảnh đẹp, di tích lịch sử, các công trình kiến trúc văn hóa đẹp và ý nghĩa lịch sử của các di tích đó. - Biết Bác Hồ là vị lãnh tụ dân tộc. Khi còn sống Bác rất yêu thương các cháu nhỏ và các cháu nhỏ cũng rất kính yêu Bác. Nay Bác không còn nữa, hiện lăng Bác đặt tại Quảng trường Ba Đình ở Thủ Đô Hà Nội
	59	- Biết một số kiến thức cơ bản về phòng cháy, chữa cháy và thoát hiểm an toàn	- Nhận biết về cháy, nguồn điện, chất cháy, đồ vật là chất cháy, vật dụng chứa chất cháy và những nơi dễ cháy - Ngăn chặn, phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy - Biết các phương tiện báo cháy và hành động đúng khi xảy ra cháy .
	60	- Biết đặc điểm các phương tiện giao thông	- Đặc điểm, công dụng của 1 số phương tiện giao thông, nơi hoạt động của các lọai phương tiện giao thông. - Biết phân loại các phương tiện giao thông
	61	- Biết một số biển báo giao thông quen thuộc	- Nhận biết và phân biệt một số biển báo giao thông đơn giản, gần gũi
Phát triển ngôn ngữ	62	- Nghe hiểu lời nói thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2-3 hành động.	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp - Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể - Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.
	63	- Có khả năng trình bày , thực hiện các yêu cầu,	- Có khả năng thuyết trình trước đám đông một cách tự tin mạnh dạn

		lắng nghe ý kiến trong nhóm	
	64	- Biết sử dụng ngôn ngữ của bản thân để giao tiếp cho mọi người hiểu nội dung trao đổi	- Biết mở đầu và gợi ý nội dung trò chuyện - Khả năng lập luận vấn đề trôi chảy, tự tin
	65	- Sử dụng ngôn ngữ của bản thân để kể chuyện.	- Biết sử dụng các từ nối. Từ xác định không gian thời gian để kể lại câu truyện cho người khác nghe và hiểu
	66	- Đặt các câu hỏi thảo luận để duy trì và phát triển cuộc trò chuyện	- Mạnh dạn tự tin trong quá trình trò chuyện - Có khả năng đặt một số câu hỏi cho người khác trả lời
	67	- Có các lời nói, hành vi, thái độ tôn trọng người khác trong giao tiếp	- Sử dụng từ ngữ tôn trọng người lớn, cô giáo viên , nhân viên trong trường
	68	- Hiểu nghĩa 1 số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức
	69	- Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,… phù hợp với ngữ cảnh. - Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,… - Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao... - Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng… phù hợp với tình huống. - Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được - Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật.

			- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh - Đóng được vai của nhân vật trong truyện - Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
	70	- Nhận dạng và phát âm được chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt và chữ số từ 0 -> 10.	- Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình - Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.
	71	- "Đọc", sách, truyện tranh đã biết.	- Xem và đọc các loại sách khác nhau - Đọc truyện qua tranh vẽ - Biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.
	72	- Biết kể truyện theo tranh.	- Biết dựa theo tranh để kể lại thành 1 câu chuyện - Sắp xếp tranh theo trình tự nội dung. Kể 1 câu chuyện có mở đầu kết thúc - Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân
	73	- Biết ý nghĩa 1 số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống.	- Nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...
	74	- Biết "viết" chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.	- Hướng viết của các nét chữ - Tô các chữ cái đã học - Thực hiện vở bé tập tô
	75	- Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.	- Biết chữ viết có thể đọc được, có thể dùng chữ viết để thay cho lời nói - Biết làm bưu thiếp, thư chúc mừng người thân bằng chữ viết
	76	- Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái.	- Làm quen với cách viết tiếng việt, hướng viết các nét chữ. - Sao chép 1 số kí hiệu, chữ cái, tên của mình

	77	- Biết "viết" tên của bản thân theo cách của mình.	- Khả năng viết, sao chép tên của mình - Biết viết tên của mình theo ý thích như: viết thường, viết hoa, đầy đủ tên hoặc chỉ viết chữ cái đầu, hoặc trang trí tên của mình…
	78	- Không nói tục, chửi bậy.	- Biết nói tục chửi bậy là không tốt, không ngoan - Có thái độ không đồng tình như: nhắc bạn không được chửi bậy, nói tục – xấu lắm hoặc thưa cô khi có bạn chửi bậy…
	79	- Thích đọc được những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	- Nhận dạng các chữ cái đã học - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau
	80	- Thể hiện sự thích thú với sách, biết phối hợp cùng cô và bạn tạo ra sách truyện tranh đơn giản.	- Thích chơi với sách, xem và đọc sách ở mọi lúc mọi nơi 1 mình - Chú ý nghe đọc sách, tìm hiểu nội dung tranh vẽ trong sách (nhờ người lớn giải thích nội dung tranh, những chữ chưa biết…)
	81	- Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	- Xem, nghe đọc và tự "đọc" sách - Có 1 số hành vi giữ gìn, bảo vệ sách (giở sách từng trang, không quăng quật, vẽ bậy, xé, làm nhàu nát, xem sách xong biết cất sách vào nơi qui định
	82	- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện.	- Thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt. - Giáo dục phép lịch sự, biết tôn trọng người khác trong giao tiếp, không nói leo, ngắt lời khi người khác đang nói.
	83	- Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.	- Biết dùng cử chỉ, nét mặt, điệu bộ để thể hiện mình chưa hiểu lời người khác nói - Biết đặt câu hỏi phù hợp để hỏi lại khi chưa hiểu lời người khác nói

	84	- Sử dụng 1 số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống.	- Biết sử dụng 1 số từ biểu thị sự lễ phép, các từ biểu cảm, hình tượng - Biết chào hỏi, tạm biệt, các câu chúc sức khỏe ông bà…biết nói cám ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh, tình huống trong giao tiếp
	85	- Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Chủ động trò chuyện, thảo luận trong nhóm chơi hoặc trong các cuộc giao tiếp với người lớn
	86	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp.	- Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với nhu cầu giao tiếp
	87	- Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp.	- Chú ý lắng nghe và hiểu nội dung trong câu nói của người khác. - Biết đáp lại bằng thái độ đã hiểu lời nói của người khác bằng cử chỉ, nét mặt và ánh mắt
	88	- Kể về 1 sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được.	- Biết dùng lời nói để diễn tả, miêu tả lại 1 sự việc hay hiện tượng nào đó mà trẻ biết hoặc chứng kiến. - Biết kể theo trình tự, lô gich, tốc độ vừa phải để người khác hiểu
	89	- Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe 1 số câu chuyện trong chủ đề - Kể lại chuyện theo trình tự, đầy đủ về nhân vật, lời nói hành động.
	90	- Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
	91	- Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của bản thân.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng lời nói - Biết đặt các câu hỏi để làm rõ thông tin cần tìm hiểu

	92	- Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.	- Biết dùng lời nói để giao tiếp, trò chuyện cùng các bạn - Biết bày tỏ, chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân bằng lời nói để các bạn trong nhóm chơi hiểu và cuàng thống nhất tham gia vào hoạt động.
	93	- Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ phù hợp với độ tuổi
	94	- Nói rõ ràng, phát âm đúng, không nói ngọng, mạnh dạn giao tiếp trong sinh hoạt hàng ngày ở lớp.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Đọc những bài đồng dao luyện phát âm. - Trò chuyện, đàm thoại 1 số nội dung trong chương trình giáo dục trẻ.
	95	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.	- Sử dụng các từ chỉ hành động, tính chất, từ biểu cảm, hình tượng - Các từ chỉ tên gọi của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, các từ chỉ đặc điểm của cây rau, hoa quả, con vật, đồ vật, các phương tiện và qui định giao thông…
Phát triển thẩm mỹ	96	Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	- Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. - Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. - Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về

			màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
	97	- Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình của mình và bạn	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục
	98	- Có khả năng sử dụng các vật liệu tái chế để chế tạo các vật dụng mang tính khoa học	- Biết sử dụng các vật tái chế để tham gia hoạt động steam: tính bền, chắc chắn, sử dụng hiệu quả…
	99	- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. - Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn. - Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.
	100	- Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... - Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).
	101	- Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm 1 sản phẩm đơn giản	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối - Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm
	102	- Vẽ, tô màu kín, không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ.	- Cách cầm bút, tư thế ngồi - Tô màu trên hình rỗng đã vẽ sẵn - Vẽ và tô màu theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích

	103	- Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản.	- Cắt theo đường thẳng, đường cong - Cắt rời các hình trên tạp chí, họa báo, trên hình vẽ sẵn theo yêu cầu, theo ý thích của trẻ
	104	- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.	- Dán hình theo ý thích - Dán hình vào vị trí qui định. Không bị nhăn - Dán hình trang trí bức tranh
	105	- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.	- Khoe với người khác về công việc mình đã hoàn thành - Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc và mong muốn người khác khen ngợi
	106	- Biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.	- Dùng các biểu tượng, hình mẫu, kí tự khác nhau để thể hiện cảm xúc, nhu cầu của mình - Vẽ những kí hiệu theo ý thích
	107	- Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc.	- Hát, vận động, nghe các thể loại nhạc, nhạc cụ khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm, tha thiết) của 1 số bài hát, bản nhạc phù hợp lứa tuổi
	108	- Hát đúng giai điệu bài hát theo chủ đề	- Hát vận động các bài hát phù hợp lứa tuổi và các chủ đề trong năm - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát
	109	- Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.	- Vận động minh họa sáng tạo 1 số bài hát - Đặt lời theo giai điệu 1 bài hát, bản nhạc quen thuộc (1 câu hoặc 1 đoạn) - Tạo âm thanh nhạc cụ, tiếng gió, tiếng suối chảy…

Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội	110	Thể hiện ý thức về bản thân	- Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. -Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được - Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). - Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. - Biết mình là con/ cháu/anh/chị/em trong gia đình.
	111	- Cố gắng thực hiện công việc đến cùng.	- Tự tin khi thực hiện công việc được giao - Biết trách nhiệm bản thân trong lớp học - Hoàn thành công việc được giao
	112	- Chủ động làm 1 số công việc đơn giản hàng ngày.	- Tự giác thực hiện công việc mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người khác như: tự cất đồ chơi sau khi chơi, tự giác đi rửa tay
	113	- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	-Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn…) của quê hương, đất nước. -Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.
	114	Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	-Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép. - Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép

			- Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). - Biết chờ đến lượt - Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. - Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.
	115	Biết quan tâm và thể hiện sự bảo vệ môi trường bằng các hành động cụ thể.	-Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. - Bỏ rác đúng nơi quy định. - Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).
	116	- Nhận xét được 1 số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng"- "sai", "tốt"- "xấu" - Nhận ra 3-5 hành vi đúng sai của con người đối với môi trường như: vứt rác bừa bãi, bẻ cây…
	117	- Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	- Mạnh dạn bày tỏ ý kiến sở thích của bản thân - Đề xuất trò chơi và hoạt động - Biết thuyết phục bạn về đề xuất của mình
	118	- Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.	- Thói quen tốt trong giao tiếp với mọi người, trong ăn uống hoặc những nơi công cộng - Một số thói quen hành vi văn minh
	119	- Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch đẹp. Biết giữ gìn vệ sinh các bộ phận cơ thể, giữ gìn sức khỏe bản thân.	- Thói quen tự phục vụ để giữ gìn vệ sinh cá nhân, biết cách chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho bản thân (mặc áo ấm vào mủa đông, uống nhiều nước vào mùa hè, ra ngoài nắng phải đội nón, ăn chín uống sôi…). - Giữ đầu tóc quần áo sạch sẽ gọn gàng.
	120	- Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.	- Nói được điều trẻ thích, không thích, làm được, không làm được

			- Tự tin khi tham gia thảo luận cùng cô và các bạn
	121	- Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Nhận biết tâm trạng của người thân, bạn bè - Biết quan tâm chia sẻ, an ủi bạn bè, người thân, nhường nhịn em nhỏ bằng cử chỉ lời nói phù hợp với tâm trạng (vui, buồn) của họ. Biết gia đình ít con ba mẹ đỡ vất vả. Có ý thức chăm sóc gia đình, giữ gìn nhà cửa, đồ dùng gia đình sạch sẽ. Tích cực tham gia vào hoạt động đón tết ở lớp, phụ giúp ba mẹ. - Trẻ cảm nhận được nhu cầu tình cảm gắn bó của người thân trong gia đình và không khí vui vẻ của ngày tết.
	122	- Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.	- Biết điều chỉnh hành vi của bản thân phù hợp với tình huống, hoàn cảnh - Biết thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với tình huống, phù hợp hoàn cảnh
	123	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Biết trấn tĩnh, hạn chế cảm xúc tiêu cực như: la hét, gào khóc, ném đồ chơi…khi được người khác an ủi, chia sẻ và giải thích - Biết sử dụng lời nói để diễn tả cảm xúc của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân - Biết an ủi và chung vui với người thân và gia đình
	124	- Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi.	- Biết tạo sự thân thiện trong quá trình tham gia chơi tập thể - Nhanh chóng nhập cuộc để cùng chơi với các bạn - Biết chia sẻ, giúp đỡ, phối hợp với bạn trong quá trình chơi
	125	- Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.	- Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp -Chủ động bắt chuyện và trả lời các câu hỏi trong giao tiếp

	126	- Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi.	- Chơi thân thiện với bạn, chia sẻ với bạn những cảm xúc vui buồn của bản thân - Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, hướng dẫn và chia sẻ đồ dùng với bạn trong hoạt động cùng nhóm
	127	- Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	- Biết chủ động giúp đỡ khi thấy bạn, người khác gặp khó khăn - Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn
	128	- Có nhóm bạn chơi thường xuyên	- Thích chơi cùng với các bạn, cử chỉ thân mật, tôn trọng và hợp tác - Quan tâm, chia sẻ và nhường nhịn bạn khi chơi
	129	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	- Có ý thức chờ đợi đến lượt, không chen lấn xô đẩy bạn - Rèn luyện tính kiên trì. Tuân thủ theo nội qui qui định của lớp học - Nề nếp thói quen trong học tập, sinh hoạt
	130	- Lắng nghe ý kiến của người khác.	- Biết chú ý lắng nghe khi người khác nói, kể chuyện. - Mạnh dạn tự tin chia sẻ suy nghĩ, chờ đến lượt trao đổi, bổ sung ý kiến với bạn khi giao tiếp. - Chấp nhận sự khác nhau giữa các ý kiến và cùng nhau thống nhất để cùng thực hiện.
	131	- Trao đổi ý kiến của mình với các bạn.	- Trẻ tự tin cởi mở và thân thiện với các bạn - Vui vẻ trình bày ý kiến và cùng thảo luận với các bạn trong các hoạt động, trong nhóm chơi
	132	- Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.	- Chơi với bạn vui vẻ, không đánh bạn, biết giúp đỡ bạn - Có cách ứng xử, giải quyết vấn đề khi trong nhóm chơi gặp mâu thuẫn

	133	- Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.	- Vui vẻ, chấp nhận và hợp tác - Thái độ chấp hành nhiệm vụ một cách vui vẻ và sẵn sàng
	134	- Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	- Chủ động, độc lập trong 1 số hoạt động - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi)
	135	- Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác.	- Biết giải thích được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ ảnh hưởng gì đến lớp, bạn và mọi người…
	136	- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn.	- Rèn luyện thói quen, hành vi, cử chỉ lễ phép, lịch sự - Thói quen xưng hô thân mật với bạn, lễ phép với người lớn
	137	- Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.	- Mạnh dạn nhờ sự giúp đỡ của cô và các bạn khi cần thiết - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến
	138	- Có hành vi bảo vệ môi trường và nếp sống văn minh trong sinh hoạt hàng ngày.	- Thói quen bỏ rác vào thùng, cất dọn đồ dùng đồ chơi ngăn nắp, tham gia quét dọn vệ sinh trường, lớp, gia đình và có ý thức giữ gìn vệ sinh nơi công cộng… - Tiết kiệm điện nước. Biết ích lợi của nước, có ý thức tiết kiệm, bảo vệ nguồn nước sạch, yêu thiên nhiên.
	139	- Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	- Nhận biết khả năng, sở thích của người thân, bạn bè. - Nói được sở thích và khả năng của người thân
	140	- Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình.	- Điểm giống và khác nhau giữa bé và các bạn (về giới tính, vóc dáng, màu da, gia đình giàu có, gia đình nghèo…) - Sở thích, khả năng, năng khiếu của bản thân
	141	- Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.	- Biết tôn trọng mọi người, có ý thức chấp nhận sự công bằng trong nhóm bạn

			- Mạnh dạn nhận xét và có ý kiến về sự công bằng giữa các bạn
	142	- Thích chăm sóc cây cối.	- Nhận biết cây cối cần được chăm sóc và bảo vệ để lớn lên và phát triển. - -Thể hiện tình cảm với thiên nhiên, thích được tham gia chăm sóc cây cối như: nhặt lá úa, nhổ cỏ, lau lá cây…
	143	- Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ	- Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.
	144	- Biết thể hiện tình cảm thái độ tôn trọng đối với Bác	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...) - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
	145	- Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện nước trong gia đình và lớp học
	146	- Tôn trọng và tuân thủ đúng luật giao thông.	- Nhắc nhở người thân tôn trọng luật giao thông
	147	- Trẻ biết chấp hành 1 số qui tắc, qui định ở lớp, gia đình, nơi công cộng	- Thực hiện một số nội quy lớp học - Biết thực hiện nề nếp trong giờ ăn, thực hiện các nội quy trong giờ ăn và các hoạt khác ở lớp
	148	- Cách giao tiếp ứng xử có văn hóa với mọi người	- Có thái độ giao tiếp với người lớn lễ phép - Giao tiếp cởi mở, hòa đồng với bạn bè
	149	- Biết được vị trí của mình trong gia đình, trường, lớp	- Vị trí và trách nhiệm của bé trong gia đình - Vị trí và trách nhiệm của bé ở lớp, ở trường

	150	- Thích chăm sóc con vật quen thuộc và gần gũi	- Biết thể hiện tình cảm với các con vật: cho con vật quen thuộc ăn, vuốt ve, âu yếm… không nghịch phá con vật - Nhận biết con vật cần được chăm sóc và bảo vệ để lớn lên và phát triển.

C. PHẦN III: CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

I. Nhà trẻ (nhóm 24 - 36 tháng):

STT	THỜI GIAN	CHỦ ĐỀ	CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Từ 15/09 - 03/10/2025	**Bé yêu cô, yêu bạn** (3 tuần)	Cô giáo của bé	15/09/2025 - 19/09/2025	
			Bé và các bạn	22/09/2025 - 26/09/2025	
			Các cô, các bác trong trường bé	29/09/2025 - 03/10/2025	
2	Từ 06/10 - 31/10/2025	**Cơ thể của bé** (4 tuần)	Vui hội trăng rằm	06/10/2025 - 10/10/2025	
			Các bộ phận trên cơ thể bé	13/10/2025 - 17/10/2025	
			Bé lớn lên như thế nào?	20/10/2025 - 24/10/2025	
			Bé giữ vệ sinh cơ thể	27/10/2025 - 31/10/2025	
3	Từ 03/11 - 21/11/2025	**Đồ dùng, đồ chơi của bé** (3 tuần)	Đồ dùng của bé	03/11/2025 - 07/11/2025	
			Đồ chơi trong lớp	10/11/2025 - 14/11/2025	
			Đồ chơi ngoài trời	17/11/2025 - 21/11/2025	
4	Từ 24/11 - 19/12/2025	**Gia đình thân yêu của bé** (4 tuần)	Mẹ của bé	24/11/2025 - 28/11/2025	
			Đồ dùng trong gia đình bé	01/12/2025 - 05/12/2025	
			Ngôi nhà của bé	08/12/2025 - 12/12/2025	

			Những người thân yêu của bé	15/12/2025 - 19/12/2025	
5	Từ 22/12 - 16/01/2026	**Cây xanh và những loại quả quen thuộc** (4 tuần)	Bé yêu cây xanh	22/12/2025 - 26/12/2025	
			Các loại quả có vị chua	29/12/2025 - 02/01/2026	
			Các loại quả ngọt	05/01/2026 - 09/01/2026	
			Các loại quả bé yêu thích	12/01/2026 - 16/01/2026	
6	Từ 19/01 - 13/02/2026	**Bé yêu các loại hoa, rau, củ** (4 tuần)	Bé thích hoa gì?	19/01/2026 - 23/01/2026	
			Các loại hoa ngày tết	26/01/2026 - 30/01/2026	
			Rau ăn lá	02/02/2026 - 06/02/2026	
			Các loại rau ăn quả, củ	09/02/2026 - 13/02/2026	
Nghỉ tết Nguyên Đán (Từ ngày 16/02/2026 đến ngày 20/02/2026)					
7	Từ 23/02 - 27/03/2026	**Những con vật đáng yêu** (5 tuần)	Những chú gia cầm	23/02/2026 - 27/02/2026	
			Đàn gia súc nhà bé	02/03/2026 - 06/03/2026	
			Con vật sống dưới nước	09/03/2026 - 13/03/2026	
			Những con côn trùng bé biết	16/03/2026 - 20/03/2026	
			Con vật sống trong rừng	23/03/2026 - 27/03/2026	
8	Từ 30/03 - 24/04/2026	**Phương tiện giao thông** (4 tuần)	Bé đến trường bằng phương tiện gì?	30/03/2026 - 03/04/2026	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm (Từ ngày 27/04 - 01/05/2026)
			Bé thích tàu hỏa	06/04/2026 - 10/04/2026	
			Bé thích máy bay	13/04/2026 - 17/04/2026	
			Bé thích thuyền, ca nô	20/04/2026 - 24/04/2026	

9	Từ 04/05 - 29/05/2026	**Mùa hè và lớp mẫu giáo** (4 tuần)	Trang phục mùa hè	04/05/2026 - 08/05/2026	
			Bé làm gì trong mùa hè	11/05/2026 - 15/05/2026	
			Lớp học mẫu giáo	18/05/2026 - 22/05/2026	
			Đồ chơi mẫu giáo	25/05/2026 - 29/05/2026	

II. <u>Mẫu giáo</u>:

1. <u>Khối mầm (3 - 4 tuổi)</u>:

STT	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐỀ	CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	15/09 - 10/10/2025	**TRƯỜNG MẦM NON TUỔI NGỌC CỦA BÉ** (4 tuần)	Lớp học của bé	15/09 - 19/09/2025	
			Các bạn của bé	22/09 - 26/09/2025	
			Các hoạt động của bé ở trường	29/09 - 03/10/2025	
			Bé vui trung thu	06/10 - 10/10/2025	
2	13/10 - 31/10/2025	**BẢN THÂN CỦA BÉ** (3 tuần)	Sự khác biệt giữa tôi với bạn	13/10 - 17/10/2025	
			Các giác quan của bé	20/10 - 24/10/2025	
			Thực phẩm giúp bé khỏe mạnh	27/10 - 31/10/2025	
3	03/11 - 21/11/2025	**GIA ĐÌNH CỦA BÉ** (3 tuần)	Bé với các thành viên trong gia đình	03/11 - 07/11/2025	
			Ngôi nhà của bé	10/11 - 14/11/2025	
			Gia đình bé cần những đồ dùng nào?	17/11 - 21/11/2025	
4	24/11 - 12/12/2025	**MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ QUEN**	Bé biết những nghề nào?	24/11 - 28/11/2025	
			Ngành nghề truyền thống ở địa phương	01/12 - 05/12/2025	

		THUỘC (3 tuần)	Ba mẹ bé làm nghề gì?	08/12 - 12/12/2025	
5	15/12 - 16/01/2026	**THẾ GIỚI THỰC VẬT** (5 tuần)	Bé yêu cây xanh	15/12 - 19/12/2025	
			Các loại hoa bé thích	22/12 - 26/12/2025	
			Cây nào cho quả	29/12 - 02/01/2026	
			Các loại rau	05/01 - 09/01/2026	
			Bé làm gì để cây mau lớn	12/01 - 16/01/2026	
6	19/01 - 30/01/2026	**AN TOÀN GIAO THÔNG** (2 tuần)	Bé biết những phương tiện giao thông nào?	19/01 - 23/01/2026	
			Một số biển báo giao thông đơn giản	26/01 - 30/01/2026	
7	02/02 - 13/02/2026	**TẾT VÀ MÙA XUÂN** (2 tuần)	Cảnh vật mùa xuân	02/02 - 06/02/2026	
			Ngày tết nguyên đán	09/02 - 13/02/2026	
Nghỉ tết Nguyên Đán **1 tuần (Từ ngày 16/02/2026 đến ngày 20/02/2026)**					
8	23/02 - 27/03/2026	**THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT** (5 tuần)	Một số con vật nuôi trong gia đình	23/02 - 27/02/2026	
			Một số con vật sống trong rừng	02/03 - 06/03/2026	
			Các loại côn trùng	09/03 - 13/03/2026	
			Một số loài chim	16/03 - 20/03/2026	
			Một số con vật sống dưới nước	23/03 - 27/03/2026	
9	30/03 - 17/04/2026	**NƯỚC VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN** (3 tuần)	Một số nguồn nước	30/03 - 03/04/2026	
			Không khí ở quanh ta	06/04 - 10/04/2026	
			Mùa hè với bé	13/04 - 17/04/2026	

10	20/04 - 15/05/2026	**QUÊ HƯƠNG CỦA BÉ** (3 tuần)	Thành phố mang tên Bác	20/04 - 24/04/2026	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm (Từ ngày 27/04 - 01/05/2026)
			Thủ đô Hà Nội	04/05 - 08/05/2026	
			Bé yêu biển đảo	11/05 - 15/05/2026	
11	18/05 - 29/05/2026	**BÁC HỒ VỚI CÁC CHÁU THIẾU NIÊN NHI ĐỒNG** (2 tuần)	Mừng sinh nhật Bác	18/05 - 22/05/2026	
			Bác Hồ với các cháu thiếu niên nhi đồng	25/05 - 29/05/2026	

2. <u>Khối Chồi (4 - 5 tuổi)</u>:

STT	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐỀ	CÁC CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	15/09 - 10/10/2025	**TRƯỜNG LỚP MẦM NON CỦA BÉ** (4 tuần)	Bạn bè chung lớp của bé	15/09 - 19/09/2025	
			Hoạt động của bé ở trường	22/09 - 26/09/2025	
			Công việc của cô chú trong trường mầm non	29/09 - 03/10/2025	
			Bé vui trung thu	06/10 - 10/10/2025	
2	13/10 - 31/10/2025	**BẢN THÂN CỦA BÉ** (3 tuần)	Tôi là ai	13/10 - 17/10/2025	
			Cơ thể và các giác quan của bé	20/10 - 24/10/2025	
			Bé cần gì để lớn lên khỏe mạnh	27/10 - 31/10/2025	
3	03/11 - 21/11/2025	**GIA ĐÌNH CỦA BÉ**	Ngôi nhà của bé	03/11 - 07/11/2025	

		(3 tuần)	Những người thân của bé	10/11 - 14/11/2025	
			Gia đình bé cần những đồ dùng nào	17/11 - 21/11/2025	
4	24/11 - 12/12/2025	**MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ QUEN THUỘC** (3 tuần)	Các ngành nghề truyền thống của địa phương	24/11 - 28/11/2025	
			Bé biết những nghề nào?	01/12- 05/12/2025	
			Bé thích làm nghề gì?	08/12 - 12/12/2025	
5	15/12 - 16/01/2026	**THẾ GIỚI THỰC VẬT** (5 tuần)	Vườn hoa của bé	15/12 - 19/12/2025	
			Điều bí ẩn của cây xanh	22/12 - 26/12/2025	
			Bé biết loại quả gì?	29/12 - 02/01/2026	
			Vườn rau của bé	05/01 - 09/01/2026	
			Bé làm gì để cây mau lớn	12/01- 16/01/2026	
6	19/01 - 30/01/2026	**AN TOÀN GIAO THÔNG** (2 tuần)	Phương tiện giao thông	19/01- 23/01/2026	
			Một số luật giao thông	26/01 - 30/01/2026	
7	02/02 - 13/02/2026	**TẾT VÀ MÙA XUÂN** (2 tuần)	Thời tiết cây cối vào mùa xuân	02/02 - 06/02/2026	
			Ngày tết nguyên đán	09/02 - 13/02/2026	
Nghỉ tết Nguyên Đán **Từ ngày (16/02/ 2026 - 20/02/2026)**					

8	23/02 - 27/03/2026	**THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT** (5 tuần)	Một số con vật nuôi trong gia đình	23/02-27/02/2026	
			Một số con vật sống trong rừng	02/03-06/03/2026	
			Một số con vật sống dưới nước	09/03 - 13/03/2026	
			Một số loài chim	16/03-20/03/2026	
			Các loại côn trùng	23/03 - 27/03/2026	
9	30/03 - 17/04/2026	**NƯỚC VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN** (3 tuần)	Nước và những điều kỳ thú	30/03 - 03/04/2026	
			Không khí ở quanh ta	06/04 - 10/04/2026	
			Một số hiện tượng thiên nhiên	13/04 - 17/04/2026	
10	20/04 - 15/05/2026	**QUÊ HƯƠNG CỦA BÉ** (3 tuần)	Thành phố Hồ Chí Minh	20/04 - 24/04/2026	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm (Từ ngày 27/04 - 01/05/2026)
			Thủ đô Hà Nội	04/05 - 08/05/2026	
			Biển đảo quê em	11/05 - 15/05/2026	
11	18/05 - 29/05/2026	**BÁC HỒ VỚI CÁC CHÁU THIẾU NIÊN NHI ĐỒNG** (2 tuần)	Bác Hồ của bé	18/05 - 22/05/2026	
			Bác Hồ và các cháu thiếu niên nhi đồng	25/05 - 29/05/2026	

3. <u>Khối Lá (5 - 6 tuổi)</u>:

STT	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TÊN CHỦ ĐỀ	DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	15/09 - 03/10/2025	**Trường mầm non Tuổi Ngọc (3 tuần)**	Lớp học của bé	15/09/2025 - 19/09/2025	
			Bạn của bé	22/09/2025 - 26/09/2025	
			Trường bé có những ai	29/09/2025 - 03/10/2025	
2	06/10 - 17/10/2025	**Bản thân của bé (2 tuần)**	Các giác quan của bé	06/10/2025 - 10/10/2025	
			Bé làm gì để cơ thể khỏe mạnh	13/10/2025 - 17/10/2025	
3	20/10 - 07/11/2025	**Gia đình của bé (3 tuần)**	Nhà của bé	20/10/2025 - 24/10/2025	
			Những người thân của bé	27/10/2025 - 31/10/2025	
			Nhu cầu gia đình	03/11/2025 - 07/11/2025	
4	10/11 - 28/11/2025	**Một số ngành nghề quen thuộc (3 tuần)**	Một số nghề truyền thống ở địa phương	10/11/2025 - 14/11/2025	
			Một số nghề dịch vụ	17/11/2025 - 21/11/2025	
			Ước mơ của bé	24/11/2025 - 28/11/2025	
5	11/11 - 26/12/2025	**Thế giới thực vật (4 tuần)**	Bé yêu cây xanh	01/12/2025 - 05/12/2025	
			Bé biết những loại hoa gì?	08/12/2025 - 12/12/2025	
			Các loại quả bé thích	15/12/2025 - 19/12/2025	
			Bé thích các loại rau nhiều vitamin	22/12/2025 - 26/12/2025	
6	29/12 - 16/01/2026	**Một số hiện tượng thiên nhiên (3 tuần)**	Các hiện tượng thiên nhiên	29/12/2025 - 02/01/2026	
			Nước - cát - sỏi - đá	05/01/2026 - 09/01/2026	
			Biến đổi khí hậu	12/01/2026 - 16/01/2026	

7	19/01 - 30/01/2026	**An toàn giao thông (2 tuần)**	Các biển báo giao thông quen thuộc	19/01/2026 - 23/01/2026	
			An toàn giao thông trong ngày lễ	26/01/2026 - 30/01/2026	
8	02/02 - 13/02/2026	**Tết và mùa xuân (2 tuần)**	Cảnh vật mùa xuân	02/02/2026 - 06/02/2026	
			Ngày tết Nguyên đán	09/02/2026 - 13/02/2026	
NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN 1 tuần (16/02/ 2026 - 20/02/2026)					
9	23/02 - 27/03/2026	**Thế giới động vật (5 tuần)**	Một số con vật nuôi trong gia đình	23/02/2026 - 27/02/2026	
			Động vật sống trong rừng	02/03/2026 - 06/03/2026	
			Một số loài chim	09/03/2026 - 13/03/2026	
			Côn trùng	16/03/2026 - 20/03/2026	
			Động vật sống dưới nước	23/03/2026 - 27/03/2026	
10	30/3 - 10/4/2026	**Bé yêu thể thao (2 tuần)**	Thể thao với sức khỏe bé	30/03/2026 - 03/04/2026	
			Các môn thao yêu thích	06/04/2026 - 10/04/2026	
11	13/4 - 15/05/2026	**Quê hương - Bác Hồ (4 tuần)**	Thành phố mang tên Bác	13/04/2026 - 17/04/2026	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm (Từ 27/04 - 01/05/2025)
			Biển đảo quê hương	20/04/2026 - 24/04/2026	
			Thủ đô Hà Nội	04/05/2026 - 08/05/2026	
			Bác Hồ kính yêu	11/05/2026 - 15/05/2026	
12	11/5 - 22/05/2026	**Trường tiểu học (2 tuần)**	Trường Tiểu học	18/05/2026 - 22/05/2026	
			Bé chuẩn bị vào lớp 1	25/05/2026 - 29/05/2026	

D. PHẦN IV: CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

1/Thời gian biểu:

❖ **Nhà trẻ (24 - 36 tháng):**

Thời gian	Hoạt động
07h00 - 8h05	Đón trẻ - Thể dục sáng - Ăn sáng
8h05 - 8h35	Hoạt động ngoài trời
8h35 - 8h50	Vệ sinh - Chuẩn bị giờ học
8h50 - 9h05 **(8h50 - 9h20)**	Hoạt động có chủ đích
9h05 - 9h45 **(9h20 - 10h00)**	Hoạt động vui chơi
10h00 - 11h15	Vệ sinh - Ăn trưa - Vệ sinh
11h15 - 13h30	Ngủ trưa
13h30 - 13h50	Vệ sinh - Ăn xế
13h50 - 14h30	Tắm cho trẻ
14h30 - 15h30	Ăn chiều
15h30 - 16h00	Hoạt động chiều - Chơi tự do
16h00	Trả trẻ

❖ **Khối Mầm (3 - 4 tuổi):**

Thời gian	Hoạt động
7h00 - 8h05	Đón trẻ - Thể dục sáng - Ăn sáng
8h05 - 8h45	Hoạt động ngoài trời
8h45 - 9h00	Vệ sinh - Chuẩn bị giờ học
9h00 - 9h20 **(9h00 - 9h40)**	Hoạt động giờ học - Hoạt động ngoại khóa
9h20 - 10h00 **(9h40 - 10h10)**	Hoạt động vui chơi
10h10 - 10h25	Vệ sinh - Chuẩn bị ăn trưa
10h25 - 11h25	Ăn trưa - Vệ sinh
11h25 - 13h30	Ngủ trưa
13h30 - 13h50	Vệ sinh - Ăn xế
13h50 - 14h30	Hoạt động chiều - Hoat động ngoại khóa
14h30 - 15h40	Vệ sinh - Ăn chiều
15h40 - 16h00	Nêu gương
16h00	Trả trẻ

❖ **Khối Chồi (4 - 5 tuổi):**

Thời gian	Hoạt động
7h00 - 8h00	Đón trẻ - Thể dục sáng - Ăn sáng
8h00 - 8h40	Hoạt động ngoài trời
8h40 - 8h55	Vệ sinh - Chuẩn bị giờ học
8h55 - 9h20 **(8h55 - 9h40)**	Hoạt động giờ học - Hoạt động ngoại khóa
9h20 - 10h00 **(9h40 - 10h20)**	Hoạt động vui chơi
10h20 - 10h35	Vệ sinh - Chuẩn bị ăn trưa
10h35 - 11h35	Ăn trưa - Vệ sinh
11h35 - 13h30	Ngủ trưa
13h30 - 13h50	Vệ sinh - Ăn xế
13h50 - 14h40	Hoạt động chiều - Hoat động ngoại khóa
14h40 - 15h40	Vệ sinh - Ăn chiều
15h40 - 16h00	Nêu gương
16h00	Trả trẻ

❖ **Khối Lá (5 - 6 tuổi)**

Thời gian	Hoạt động
7h00 - 8h00	Đón trẻ - Thể dục sáng - Ăn sáng
8h00 - 8h40	Hoạt động ngoài trời
8h40 - 8h55	Vệ sinh - Chuẩn bị giờ học
8h55 - 9g25 **(8h55 - 9h45)**	Hoạt động giờ học - Hoạt động ngoại khóa
9h25 - 10h05 **(9h45 - 10h25)**	Hoạt động vui chơi
10h25 - 10h40	Vệ sinh - Chuẩn bị ăn trưa
10h40 - 11h40	Ăn trưa - Vệ sinh
11h40 - 13h30	Ngủ trưa
13h30 - 13h50	Vệ sinh - Ăn xế
13h50 - 14h50	Hoạt động chiều - Hoat động ngoại khóa
14h50 - 15h40	Vệ sinh - Ăn chiều
15h40 - 16h00	Nêu gương
16g00	Trả trẻ

2/Hoạt động học:

Thứ		Khối/Hoạt động		
	Nhà trẻ	**Khối Mầm**	**Khối Chồi**	**Khối Lá**
Hai	GDAN	LQVT	LQVT	LQVH (PTNN)
		Mỹ Thuật	Mỹ Thuật	TDNĐ
Ba	THƠ (Tuần 1, 3) KỂ CHUYỆN (Tuần 2, 4)	TH	TH	LQCV
	TẠO HÌNH	GDAN	GDAN	GDAN
Tư	NBTN	TDGH	TDGH	LQVT
		Mỹ Thuật	Mỹ Thuật	TDNĐ
Năm	NBPB (HOẶC SÁCH)	LQVH (PTNN)	LQVH (PTNN)	TH
				TDGH
Sáu	VĐ	HĐKP	HĐKP	HĐKP

3/Hoạt động chiều:

Thứ	Khối/Hoạt động			
	N1A	**Khối Mầm**	**Khối Chồi**	**Khối Lá**
Hai	ÔN THƠ, CHUYỆN	Làm quen tiếng anh	Làm quen tiếng anh	Làm quen tiếng anh
		HĐPM	TTVS	TTVS
Ba	ÔN TRÒ CHƠI	TDNĐ	TDNĐ	Mỹ Thuật
		TTVS	HĐPM	GDGT
Tư	ÔN GDAN	Làm quen tiếng anh	Làm quen tiếng anh	Làm quen tiếng anh
		GDGT	GDGT	HĐPM
Năm	ÔN CA DAO, ĐỒNG DAO	TDNĐ	TDNĐ	Mỹ Thuật
		LQCC (THNTH)	LQCC (THNTH)	ÔN LUYỆN (THNTH)
Sáu	ÔN THƠ CHUYỆN	HDTC (TUẦN 1, 3) ATGT (TUẦN 2, 4)	HDTC (TUẦN 1, 3) ATGT (TUẦN 2, 4)	HDTC (TUẦN 1, 3) ATGT (TUẦN 2, 4)
		SHTT	SHTT	SHTT

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG	PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Huỳnh Thị Thủy Trinh	**Nguyễn Thị Nga**